Bản tin
CHÍNH SÁCH
ISSN 0866 - 7810
Tài nguyên • Môi trường • Phát triển bền vững
TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN
Số 19
Quý III/2015

TỘI PHẠM về MÔI TRƯỜNG

Lời giới thiệu

Sau gần 30 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đang đi vào quỹ đạo chung của xu hướng phát triển toàn cầu, theo đó các yếu tố thị trường đóng vai trò quan trọng và chi phối lên nhiều mặt của đời sống xã hội. Những mặt trái của khai thác tài nguyên, chiếm dụng môi trường phục vụ mục đích phát triển kinh tế đang ngày càng bộc lộ rõ nét. Ảnh hưởng của ô nhiễm và suy thoái môi trường trở thành gánh nặng đối với xã hội, đặc biệt là các cộng đồng dân cư sinh sống xung quanh các điểm nóng phát triển.

Theo thống kê, quy mô, tính chất và số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không ngừng gia tăng trong những năm qua. Trong năm 2013, chỉ riêng lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường (C49) đã phát hiện 13.386 vụ vi phạm, tăng 34% so với năm 2012. Trong hàng loạt các vụ việc vi phạm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như Vedan (2009), Nicotex Thanh Thái (2013) hay Hào Dương (2013), vấn đề xử lý hình sự đều được đặt ra, tuy nhiên kết quả chỉ dừng lại ở xử lý vi phạm hành chính vì chưa đủ căn cứ xử lý hình sự.

Bên cạnh đó, việc bồi thường thiệt hại cho những nạn nhân của ô nhiễm môi trường, một hình thức của bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, cũng gần như không thể thực hiện trên thực tế do gánh nặng nghĩa vụ chứng minh. Theo nghiên cứu của Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) thực hiện năm 2014, việc bồi thường thiệt hại chỉ được thực hiện thông qua thỏa thuận và chỉ dừng lại ở việc bồi thường thiệt hại về tài sản. Việc hoàn nguyên, khắc phục hậu quả do ô nhiễm và tàn phá môi trường vẫn đang chưa được thực hiện một cách triệt để, có nguy cơ để lại nhiều hệ lụy lên con người và hệ sinh thái.

Thực tế này cho thấy bên cạnh những nỗ lực về quản lý và bảo vệ môi trường, Việt Nam cần tăng cường cải cách tư pháp trong xử lý các vi phạm, tội phạm xâm hại môi trường một cách mạnh mẽ và hiệu quả hơn để ứng phó với những nguy cơ, hệ lụy từ sức ép phát triển nóng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân và phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Bản tin Chính sách kỳ này được xuất bản trong bối cảnh Quốc hội đang đi đến cuối tiến trình sửa đổi bốn Bộ luật lớn là Hình sự, Tố tụng Hình sự, Dân sự và Tố tụng Dân sự với nhiều nội dung liên quan đến mục tiêu cải cách tư pháp trong xử lý vi phạm, tội phạm môi trường. Nội dung của Bản tin sẽ phân tích và kiến nghị một số khía cạnh quan trọng về chính sách, pháp luật hướng đến đảm bảo quyền tiếp cận môi trường công bằng, bình đẳng và an toàn cho mọi người dân.

Rừng Kon Tum - Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

**** Các phân tích, bình luận trong Bản tin Chính sách này dựa trên các dự thảo Luật công bố chính thức trên trang web của Quốc hội trước ngày 15/10/2015.***

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Số 24H2, Khu đô thị mới Yên Hòa,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 3556-4001 | Fax: (04) 3556-8941
Email: policy@nature.org.vn
Website: www.nature.org.vn

BAN BIÊN TẬP

TRỊNH LÊ NGUYÊN
NGUYỄN VIỆT DŨNG
TRẦN THANH THỦY
NGUYỄN THÚY HẰNG
PHAN BÍCH HƯỜNG

THIẾT KẾ & SÁNG TẠO

NGHIÊM HOÀNG ANH
(admixstudio.com)

Ảnh bìa:
Gấu nuôi nhốt lấy mật trái phép tại một trang trại.
Ảnh: Trịnh Lê Nguyên/PanNature

XIN CẢM ƠN SỰ HỖ TRỢ CỦA:

MacArthur Foundation

CRITICAL ECOSYSTEM PARTNERSHIP FUND

* *Các bài viết thể hiện quan điểm của tác giả, không nhất thiết đại diện quan điểm của PanNature hoặc các tổ chức liên quan.*

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Giấy phép xuất bản số 17/GP-XBBT do Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 26/02/2014. ISSN 0866 – 7810. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2015

Khái niệm và phân loại các loại hình

TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG

Tiến sĩ Phạm Văn Beo, Khoa Luật, Trường ĐH Cần Thơ

Ở Việt Nam, trước năm 1999, vấn đề bảo vệ môi trường mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa được chú trọng đúng mức. Điều này phần nào thể hiện ở Bộ luật Hình sự (BLHS) 1985 khi chưa dành một chương riêng để quy định về các tội phạm về môi trường. Thời đó, các tội phạm gây thiệt hại cho môi trường được hiểu như là những hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (các tội quy định tại Điều 179, 180, 181 BLHS năm 1985), hoặc các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (như Điều 216 BLHS 1985). Cá biệt, chỉ có một điều luật dành để quy định tội phạm xâm hại đến môi trường là Điều 195.

Hiến pháp năm 1992 là nền tảng cơ bản cho chính sách hình sự của Việt Nam đối với tội phạm về môi trường khi quy định: *Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, mọi cá nhân phải thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm mọi hành động làm suy kiệt tài nguyên và huỷ hoại môi trường"* (Điều 29). Trên cơ sở đó, BLHS năm 1999 đã dành Chương XVII để quy định các tội phạm về môi trường gồm 10 tội danh (từ Điều 182-191) và đến BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009, con số này là 11.

Ảnh: Trịnh Lê Nguyên/PanNature

Về mặt lập pháp là vậy, song trên thực tế, số lượng các hành vi xâm phạm đến môi trường bị xử lý không đáng kể mặc dù những năm gần đây vi phạm môi trường ở Việt Nam ngày càng phổ biến, đa dạng, liên tục với mức độ tổn hại ngày càng nghiêm trọng. Đặc biệt, trong số các vụ việc bị xử lý cũng không có nhiều vụ bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho dù các quy định về tội phạm môi trường trong BLHS là tương đối đầy đủ. Những sai phạm điển hình như vụ Công ty TNHH Vedan xả nước thải trực tiếp xuống sông Thị Vải (Đồng Nai), Công ty sửa chữa tàu biển Huyndai-Vinashin xả chất thải rắn (hạt nix) độc hại không qua xử lý ra môi trường (Khánh Hoà), Nhà máy Miwon (Việt Trì - Phú Thọ) xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Hồng; Công ty cổ phần thuộc da Hào Dương xả nước thải độc hại ra sông Đồng Điền (huyện Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh); các công ty nhập chất thải phế liệu về cảng Hải Phòng, Sài Gòn và Đà Nẵng... đều không bị xử lý hình sự.

CƠ CẤU SỐ LƯỢNG CÁC VỤ XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN VỀ TỘI PHẠM MÔI TRƯỜNG CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP TỪ 2001 TỚI HẾT 31/7/2010

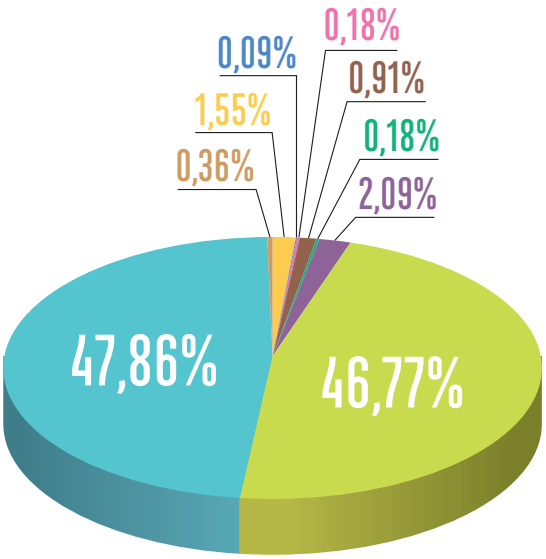

- Gây ô nhiễm nguồn nước (17 vụ)
- Gây ô nhiễm đất (1 vụ)
- Nhập khẩu công nghệ máy móc, thiết bị phế thải và các chất không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường (2 vụ)
- Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (10 vụ)
- Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (2 vụ)
- Hủy hoại nguồn lợi thủy sản (23 vụ)
- Hủy hoại rừng (514 vụ)
- Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (526 vụ)
- Vi phạm chế độ đặc bệt với các khu bảo tồn thiên nhiên (4 vụ)

Nguồn số liệu: Nguyễn Trí Chinh, 2010

Theo số liệu thống kê của Toà án Nhân dân Tối cao, trong giai đoạn 2001-2010, ngành Toà án nhân dân đã xét xử 1.098 vụ án các loại về tội phạm môi trường. Trong đó, phần lớn các tội phạm môi trường được xét xử liên quan đến tội hủy hoại rừng với 514 vụ (chiếm gần 47%) và tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm với 526 vụ (chiếm gần 48%); trong khi tội gây ô nhiễm nguồn nước chỉ có 17 vụ và gây ô nhiễm đất 1 vụ bên cạnh một số tội phạm khác (Nguyễn Trí Chinh, 2010).

Sở dĩ có thực trạng này, ngoài một số bất cập của BLHS hiện hành về tội phạm môi trường còn một nguyên nhân sâu xa có thể kể đến là việc các nhà lập pháp chưa xây dựng khái niệm về nhóm tội phạm môi trường. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc xây dựng các hình thức chế tài, phạm vi, nhiệm vụ và chiến lược của hoạt động phòng ngừa một cách hợp lý, từ đó phân hoá trách nhiệm hình sự đối với nhóm tội phạm này.

Có nhiều khái niệm về tội phạm môi trường trong khoa học Luật hình sự, nhưng đa số chưa rõ ràng và đầy đủ. Một trong số đó là: *Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do những người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường; xâm hại đến các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường, gây ra những hậu quả xấu đối với môi trường sinh thái"* (NXB Công an Nhân dân, 2001). Khái niệm này khiến cho người đọc hiểu nhầm rằng tội phạm môi trường bao gồm cả những hành vi vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực môi trường khi chưa nêu được dấu hiệu "vi phạm pháp luật hình sự". Mặt khác, khái niệm này đã đồng nhất "sự bền vững và ổn định của môi trường" (với tư cách là đối tượng của tội phạm) với "các quan hệ xã hội về quản lý và bảo vệ môi trường" (với tư cách là khách thể của tội phạm môi trường).

Một khái niệm khác cho rằng: *"Các tội phạm về môi trường là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm các quy định của Nhà nước về môi trường, qua đó gây thiệt hại cho môi trường"* (Đại học Luật Hà Nội, 2000). Khái niệm này cũng chưa có sự phân biệt giữa tội phạm về môi trường và hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường. Thêm vào đó, yếu tố "gây thiệt hại cho môi trường" trong khái niệm đã khiến cho các nhà lập pháp nhìn nhận rằng tất cả tội phạm môi trường phải được xây dựng với cấu thành tội phạm vật chất. Sau cùng, khái niệm chưa xác định được khách thể của tội phạm môi trường.

Cũng có tác giả cho rằng: *"Tội phạm về môi trường là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS Việt Nam, xâm hại tới các quan hệ xã hội về giữ gìn môi trường trong sạch, sử dụng hợp lý những tài nguyên của nó và đảm bảo an toàn môi trường cho dân cư" (Trần Lê Hồng, 2001)*. Khái niệm này không đề cập đến hai đặc điểm cơ bản của tội phạm là chủ thể và yếu tố chủ quan của tội phạm.

Khái niệm về tội phạm môi trường cần phải thể hiện được đầy

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

đủ các đặc điểm của tội phạm nói chung vừa phải bao hàm được đặc trưng cho khách thể của những tội phạm môi trường được quy định trong Chương XVII BLHS Việt Nam hiện hành cũng như chính sách hình sự của Việt Nam trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nghĩa là, bên cạnh việc bao quát các tội phạm môi trường được quy định tại Chương XVII, khái niệm còn phải bao hàm được một số tội phạm được quy định ở các Chương khác của BLHS nhưng cũng ảnh hưởng đến môi trường.

Với yêu cầu đó, tội phạm môi trường có thể được khái quát trong khái niệm sau: *Tội phạm môi trường là những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm hại tới các quan hệ xã hội liên quan đến việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong sạch, sử dụng hợp lý những nguồn tài nguyên thiên nhiên và việc đảm bảo an ninh sinh thái đối với cộng đồng dân cư".*

Để có chính sách hình sự và chiến lược phù hợp nhằm phòng ngừa có hiệu quả các tội phạm môi trường, bên cạnh đưa ra khái niệm tội phạm môi trường, việc phân loại các nhóm tội phạm môi trường có ý nghĩa không kém. Với mục tiêu đưa ra chiến lược phòng ngừa tội phạm môi trường, việc phân loại các nhóm tội phạm này cần dựa trên đặc trưng của hành vi khách quan và khách thể bị xâm hại. Theo đó, có thể chia các nhóm tội phạm môi trường ở Việt Nam như sau:

Nhóm thứ nhất, là các tội phạm trực tiếp hoặc gián tiếp xâm hại đến các quan hệ xã hội liên quan đến việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong sạch. Nhóm tội phạm này gồm những hành vi trực tiếp tác động đến môi trường đất, nước, không khí, như: Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 182 BLHS hiện hành, Điều 231 BLHS dự thảo). Có những tội phạm với những mục đích khác nhau và gián tiếp gây ra ô nhiễm môi trường với sự vô ý của người phạm tội, như: Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 182a BLHS hiện hành, Điều 232 BLHS dự thảo), Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 185 BLHS hiện hành, Điều 236 BLHS dự thảo). Đó có thể là các hành vi tạo ra khả năng gây lây lan dịch bệnh, như: Tội làm lây lan dịch bệnh cho người (Điều 186 BLHS hiện hành, Điều 237 BLHS dự thảo), hoặc tạo ra khả năng làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động, thực vật, như: Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 187 BLHS hiện hành, Điều 238 BLHS dự thảo). Ngoài ra, người phạm tội cũng có thể do không thực hiện đúng quy định hoặc thiếu trách nhiệm khiến môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác, như: Tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường (Điều 182b BLHS hiện hành, Điều 233 BLHS dự thảo - Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường).

Để có chính sách hình sự và chiến lược phù hợp nhằm phòng ngừa có hiệu quả các tội phạm môi trường, bên cạnh đưa ra khái niệm tội phạm môi trường, việc phân loại các nhóm tội phạm môi trường có ý nghĩa không kém.

Đây là nhóm tội phạm có tác động trực tiếp đến môi trường sống của con người và mọi sinh vật trong phạm vi của nó, cho dù người phạm tội có trực tiếp hay gián tiếp, cố ý hay vô ý gây ra. Khi môi trường sống bị ô nhiễm, tính mạng, sức khoẻ con người sẽ không được đảm bảo. Mặt khác, thiệt hại về kinh tế do sinh vật nuôi trồng bị ảnh hưởng là điều không thể tránh khỏi. Bởi vậy, về mặt lập pháp cũng như trong hoạch định chiến lược phòng ngừa cần có sự quan tâm đặc biệt đến nhóm tội phạm này. >

Nhóm thứ hai, là các tội phạm xâm hại đến các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo đảm an ninh sinh thái đối với cộng đồng dân cư. Đây là những tội phạm không gây ra ô nhiễm môi trường nhưng đe dọa đến an ninh sinh thái của con người. Có thể người phạm tội vì mục đích kinh tế đã có những hành vi góp phần làm giảm số lượng các loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, đang trên bờ tuyệt chủng, như: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 190 BLHS hiện hành, Điều 241 BLHS dự thảo). Có trường hợp người phạm tội có những hành vi vi phạm các quy định đối với việc quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, rừng nguyên sinh gây xáo trộn môi trường nguyên thuỷ của động, thực vật, như: Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191 BLHS hiện hành, Điều 242 BLHS dự thảo). Bên cạnh đó, người phạm tội cũng có thể phạm tội thông qua hành vi tạo điều kiện cho các loài động, thực vật ngoại lai xâm hại, tấn công làm giảm thiểu các loài động, thực vật truyền thống, gây mất cân bằng sinh thái động thực vật của Việt Nam, như: Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 191a BLHS hiện hành, Điều 243 BLHS dự thảo). Các hành vi liên quan đến việc làm suy kiệt nguồn tài nguyên rừng cũng thuộc nhóm tội phạm này. Trong ba tội phạm liên quan đến rừng, có hai tội phạm được các nhà làm luật xếp vào chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Tuy nhiên, theo tác giả, việc nguồn lợi kinh tế bị ảnh hưởng có thể không nghiêm trọng bằng việc môi trường sống của con người bị ảnh hưởng do rừng bị tàn phá dẫn đến đến thiên tai, lũ lụt, xói mòn đất… Bởi vậy, tác giả đã đưa nó vào nhóm các tội phạm môi trường. Các tội phạm này bao gồm: Tội huỷ hoại rừng (Điều 189 BLHS hiện hành, Điều 240 BLHS dự thảo), Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175 BLHS hiện hành, Điều 228 BLHS dự thảo), Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 176 BLHS hiện hành, Điều 229 BLHS dự thảo). Ngoài ra, BLHS dự thảo cũng đưa vào thêm một tội phạm mới nhằm đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai đạt hiệu quả cao, đó là: Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình thuỷ lợi, hồ chứa, liên hồ chứa, đê điều và công trình phòng, chống thiên tai (Điều 234 BLHS dự thảo).

Đây là nhóm các tội phạm dù không trực tiếp làm cho môi trường bị ô nhiễm, nhưng đe doạ đến an ninh sinh thái của con người và sinh vật, gây mất cân bằng sinh thái. Điều này có thể trước mắt chưa tạo ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống con người, nhưng trong tương lai, tác hại của nó là khó lường và việc khắc phục hậu quả là vô cùng phức tạp. Bởi vậy, việc chủ động phòng ngừa là việc nên làm thông qua việc hoàn thiện BLHS cũng như chiến lược phòng ngừa từ các cơ quan thực thi pháp luật. Có thể mới tránh được những hậu quả khôn lường sau này.

Nhóm thứ ba, là các tội phạm xâm phạm đến các quan hệ liên quan đến việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo an ninh kinh tế của đất nước. Tương tự như các tội phạm quy định tại Điều 175, 176 BLHS hiện hành, tuy không nằm trong chương tội phạm về môi trường, nhưng quy định về các tội phạm này một phần cũng hướng tới việc bảo vệ môi trường. Vì vậy, tác giả đã đưa các tội phạm này vào trong nhóm các tội phạm môi trường xâm phạm đến các quan hệ

liên quan đến việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đó là: Tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản (Điều 188 BLHS hiện hành, Điều 239 BLHS dự thảo), Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 172 BLHS hiện hành, Điều 225 BLHS dự thảo - Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác khoáng sản), Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai (Điều 173 BLHS hiện hành, Điều 226 BLHS dự thảo), Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (Điều 174 BLHS hiện hành, Điều 227 BLHS dự thảo). Ngoài ra, BLHS dự thảo còn đưa thêm một tội phạm mới trong nhóm tội phạm này, đó là: Tội vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông, các công trình về tài nguyên nước (Điều 235).

Nhóm tội phạm này tuy xâm hại chính đến trật tự quản lý kinh tế, nhưng thông qua đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường. Tài nguyên thiên nhiên được hình thành qua hàng triệu năm và không thể tái tạo vì vậy nếu khai thác thiếu kiểm soát tài nguyên sẽ cạn kiệt và các thế hệ sau không thể có đầy đủ nguồn lực để phát triển kinh tế. Mặt khác, môi trường cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tài nguyên thiên nhiên về bản chất là một yếu tố cấu thành quan trọng của môi trường. Do đó, việc đặt ra vấn đề phòng ngừa các tội phạm cũng là sự cấp thiết đòi hỏi kết hợp giữa các biện pháp kinh tế với hình sự, hành chính. Có như thế mới mong tránh được những thiệt hại về kinh tế và những sự cố về môi trường sau này.

Theo dự báo, trong những năm tới, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường vẫn còn nhiều diễn biến mới, phức tạp, chưa thể giải quyết một sớm một chiều. Pháp luật về môi trường nói chung và pháp luật hình sự về tội phạm môi trường của Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện; lực lượng

Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

thực thi pháp luật về môi trường cũng đang từng bước củng cố về năng lực. Đây là điều kiện để các đối tượng phạm tội thực hiện hành vi xâm hại môi trường, nhất là trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp; kinh doanh nhập khẩu; khai thác tài nguyên, khoáng sản v.v… Ngoài ra, trong thời kỳ hội nhập, chúng ta phải đặc biệt lưu ý nguy cơ các doanh nghiệp nước ngoài do áp lực về môi trường ở nước họ, sẵn sàng đầu tư các công nghệ lạc hậu vào Việt Nam nhằm trốn phí môi trường với các thủ đoạn ngày một tinh vi hơn. Dưới áp lực về yêu cầu tăng trưởng kinh tế, áp lực về công ăn việc làm, về đối ngoại, về an sinh xã hội, việc xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường vẫn là bài toán nan giải. Bởi lẽ, việc tổ chức phát hiện vi phạm không khó, nhưng việc xử lý sai phạm, đặc biệt là ở các doanh nghiệp lớn, có yếu tố nước ngoài, số lượng lao động đông lại rất khó khăn.

Có thể thấy rõ, ngày nay, bảo vệ môi trường đang ngày càng được Nhà nước quan tâm. Điều này được minh chứng rõ nét qua việc Hiến pháp năm 2013 đã dành nhiều điều quy định về bảo vệ môi trường nhằm hướng đến một môi trường trong sạch cho mọi người và sinh vật, đảm bảo sự phát triển bền vững, cũng như quyền bình đẳng trong tiếp cận môi trường của mọi công dân. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở các quy định của Hiến pháp năm 2013 mà không kịp thời có cách tiếp cận đúng đắn để hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và các quy định về tội phạm môi trường nói riêng thì mục tiêu kiềm chế hành vi vi phạm pháp luật môi trường sẽ không thành công và chúng ta sẽ phải tiếp tục sống trong môi trường ô nhiễm, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe và chất lượng cuộc sống. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2005*
2. XH. *Xử lý hình sự vi phạm về môi trường: Nhìn nhận từ khía cạnh pháp luật Việt Nam. Nguồn: http://bit.ly/btcs00405*
3. Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý, *Bình luận khoa học BLHS 1999, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội*, 2001
4. Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội*, 2000
5. Nguyễn Trí Chinh, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội phạm về môi trường theo luật hình sự Việt Nam*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010
6. Trần Lê Hồng, *Nhận thức chung đối với tội phạm môi trường và một số vấn đề liên quan*, Tạp chí KHPL, số 4, 2001

Số vụ vi phạm môi trường ngày càng gia tăng theo cấp số nhân, song chỉ một phần rất nhỏ trong số đó bị khởi tố và truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này làm hạn chế không nhỏ tính răn đe và thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do quan điểm về tội phạm môi trường trong BLHS chưa rõ ràng cùng những bất cập liên quan đến quy định về chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm hình sự, xác định hậu quả của hành vi phạm tội… Do đó, cần có cách tiếp cận và nhận thức mới hơn để hoàn thiện cơ sở pháp lý về tội phạm môi trường cũng như công tác giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường. Đây là hàm ý chính của *"Thảo luận chính sách Xử lý hình sự vi phạm môi trường: Những bất cập của pháp luật Việt Nam"* – được Trung tâm Con người và Thiên nhiên xuất bản từ năm 2009.

Tham khảo chi tiết tại: http://bit.ly/nature0021

Nhằm tăng cường và củng cố vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra diễn đàn công khai cho các thẩm phán cấp cao thiết lập cơ sở chung và thắt chặt các mối quan hệ cho những sáng kiến môi trường trong tương lai, Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường - tổ chức tại Jarkata, Indonesia từ ngày 5-7/12/2011 – đã bàn về những thách thức chung về môi trường trong khu vực ASEAN và những lĩnh vực mà các tòa án có thể xem xét vai trò của mình đối với bảo vệ môi trường. Có tổng cộng 11 phiên họp và mỗi phiên bàn về một chủ đề thách thức khác nhau, chẳng hạn: thách thức pháp lý và bằng chứng trong phán quyết các vụ việc môi trường; trong xử lý các vi phạm về phá rừng và khai thác gỗ trái phép; trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học và chống buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã; cải cách tư pháp; quy hoạch phát triển và đánh giá tác động môi trường…

Kỷ yếu của Hội nghị xin tham khảo tại: http://bit.ly/btcs00305

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Đối với pháp nhân

Th.S. Bùi Xuân Phái, Đại học Luật Hà Nội

Từ trước đến nay, trong luật hình sự của Việt Nam, chủ thể của tội phạm luôn chỉ là các cá nhân. Việc dự thảo BLHS sửa đổi lần này lần đầu tiên đề xuất quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự vì vậy thực sự là một bước chuyển quan trọng về nhận thức lý luận cũng như thực tiễn pháp luật hình sự.

Tội phạm hóa đối với hành vi của pháp nhân

Dự thảo BLHS sửa đổi đã chính thức đưa việc hình sự hóa (tội phạm hóa) đối với các hành vi nguy hiểm của pháp nhân, nghĩa là pháp nhân cũng có thể trở thành chủ thể của tội phạm và bị xử lý trách nhiệm hình sự. Đây là sự thay đổi vô cùng cần thiết, là một sự nhìn nhận có trách nhiệm về vấn đề này trong bối cảnh các hành vi gây nguy hiểm cho xã hội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự không chỉ được gây ra bởi các cá nhân mà còn có sự tham gia của các chủ thể là pháp nhân - tổ chức có tư cách độc lập với các chủ thể khác trong các quan hệ mà nó tham gia.

Sau khai thác - Ảnh Hoàng Văn Chiên/PanNature

Thực tế cho thấy rất nhiều hoạt động của các pháp nhân đã gây ra những thiệt hại vô cùng nghiêm trọng đối với đời sống xã hội như gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại rừng… ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, đến hoạt động sản xuất và hệ sinh thái một cách lâu dài, không chỉ của một thế hệ, trong khi nguồn ngân sách thu lại không thể bù đắp chi phí khắc phục. Đây là những hậu quả mà một cá nhân bình thường khó có thể gây ra.

Trước đây, một trong những căn cứ để xây dựng định nghĩa về tội phạm là dấu hiệu có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Theo đó, có quan điểm cho rằng "Tính nguy hiểm cho xã hội là dấu hiệu cơ bản, quan trọng nhất, quyết định những dấu hiệu khác của tội phạm. Hành vi nào đó sở dĩ bị quy định trong luật hình sự là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự vì nó có tính nguy hiểm cho xã hội" và "Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là căn cứ để phân biệt hành vi là tội phạm với những hành vi vi phạm khác, còn là cơ sở để đánh giá mức độ nghiêm trọng nhiều hay ít của hành vi phạm tội". (ĐH Luật Hà Nội, 2015). Như vậy, việc không thừa nhận pháp nhân là chủ thể của tội phạm và không xử lý trách nhiệm hình sự của loại chủ thể này khi có hành vi gây nguy hiểm vô hình trung đã chấp nhận thực trạng là hành vi thực sự nguy hiểm cho xã hội nhưng lại không bị coi là tội phạm. Ở đây có hai câu hỏi đặt ra: *Thứ nhất,* đó phải chăng là sự bất công khi cùng là hành vi nguy hiểm đáng kể mà một hành vi bị xử lý hình sự, một hành vi chỉ bị xử lý hành chính bởi một hành vi do một chủ thể là cá nhân thực hiện còn một hành vi là pháp nhân thực hiện. Vậy nguyên tắc công bằng của pháp luật nằm ở đâu? *Thứ hai,* liệu tính chất răn đe của BLHS còn có ý nghĩa hay không khi các hành vi nguy hiểm không bị trừng trị bởi một chế tài xứng đáng nhằm khôi phục các hậu quả khi trật tự pháp luật bị xâm hại và để răn đe đối với các nguy cơ xảy ra các hành vi tương tự?

Trước đây, một trong những căn cứ để xây dựng định nghĩa về tội phạm là dấu hiệu có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

Quy định hiện hành vô hình trung đã tạo nên một nguy cơ trực tiếp là sự bức xúc của xã hội và sự khinh nhờn pháp luật của các pháp nhân, vì nếu chỉ bị xử lý hành chính với mức phạt như hiện nay, các pháp nhân hoàn toàn có thể "chịu đựng" được. Điều này cũng tạo ra nguy cơ lâu dài là nếu pháp nhân không phải chịu trách nhiệm hình sự thì nhiều cá nhân vì lợi ích ích kỷ của mình sẵn sàng thành lập các pháp nhân để vi phạm và chịu xử lý hành chính. Điều này hoàn toàn khả thi trong điều kiện Luật doanh nghiệp hiện hành công nhận loại hình công ty TNHH một thành viên, một hình thức mà các cá nhân rắp tâm "lách luật hình sự" có thể lập ra để lợi dụng. Nên nhớ rằng đằng sau các hành vi này là việc trục lợi bất chính vô cùng lớn, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng, có thể gây hậu quả lâu dài và tác động trên quy mô rộng lớn, ảnh hưởng tới nhiều người.

Thêm nữa, điều đặc biệt cần lưu ý là pháp nhân chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn đăng ký kinh doanh của các thành viên nên khả năng chịu trách nhiệm về hậu quả mà nó gây ra như bồi thường thiệt hại, khôi phục tổn hại, truy thu những gì bị thất thoát là gần như không đáng kể. Do vậy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân có ý nghĩa răn đe đặc biệt cao nhằm loại trừ các nguy cơ này.

Pháp nhân với tội phạm xâm hại môi trường

Theo Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, mỗi năm toàn lực lượng phát hiện khoảng 5-6 ngàn vụ vi phạm pháp luật về môi trường, tuy nhiên việc xử lý hình sự chỉ dừng lại ở con số hơn trăm, thậm chí có năm chỉ là hàng chục (Bình An, 2015). Điều này cho thấy tình hình xử lý tội phạm môi trường hiện nay chưa theo kịp thực tế hoạt động xâm hại môi trường. Trong khi đó, những vụ việc gây ra bức xúc nhất với mức độ tác động sâu rộng, lâu dài nhất thì chủ thể gây ra phần lớn lại là pháp nhân. Đây là một lỗ hổng lớn của pháp luật hiện hành khiến cho việc thực thi công lý về môi trường khó được thực hiện trong thực tế. Có thể nhìn thấy điều này rất rõ khi nhìn lại một số vụ xâm hại môi trường điển hình trong thời gian vừa qua.

Vụ việc xử lý hoạt động gây ô nhiễm môi trường sông Thị Vải (tỉnh Đồng Nai) của Công ty bột ngọt Vedan có thể coi là một minh chứng cho sự thiếu "bàn tay sắt" của nhà nước khi công cụ pháp lý hiện hành tỏ ra bất lực khi không quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân trong khi biện pháp xử lý hành chính theo pháp luật lại quá nhẹ. Kết quả là, nếu cân nhắc được - mất giữa việc Công ty này nộp thuế cho ngân sách với những thiệt hại đã xảy ra cho người nông dân và chi phí cho khôi phục lại trạng thái ban đầu của sông Thị Vải trước khi bị "đầu độc" thì cả nhà nước, xã hội và người dân trong vùng cùng bị "lỗ" quá nặng. Điều này xuất phát từ việc không có điều kiện nào ràng buộc được Công ty Vedan trong khi căn cứ để xác định mức bồi thường cho những người dân vùng hạ lưu sông bị thiệt hại là rất khó xác định. Rốt cuộc, vụ việc chỉ được giải quyết nhờ sự lên tiếng của Hiệp hội Bảo vệ người tiêu dùng. Đây là điều đáng hổ thẹn vì nhà nước với tư cách là người đại diện cho lợi ích chung, là người có quyền lực nhưng lại từ chối cơ hội để thực hiện quyền lực của mình khi không quy định trách nhiệm hình sự cho pháp nhân.

Ở một khía cạnh khác, có thể nhắc đến vụ việc chôn lấp chất thải độc hại của Công ty Cổ phần Nicotex

Tóm lại, có một điều chắc chắn là các chủ thể có hành vi xả chất thải, nhất là chất thải độc hại thì luôn tìm mọi cách để che giấu hành vi đen tối và xấu xa của mình.

Thanh Thái ở Thanh Hóa khi bàn đến thời hiệu xử lý vi phạm. Việc truy cứu trách nhiệm hành chính đối với hành vi chôn lấp thuốc BVTV hết hạn sử dụng và các chất thải nguy hại tại khu vực xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái đã không thể thực hiện được vì hành vi này đã diễn ra trước tháng 5/2009, nhưng đến ngày 27/8/2013 mới bị phát hiện. Nếu căn cứ vào điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường là 2 năm, thì hành vi chôn lấp thuốc BVTV hết hạn sử dụng và các chất thải nguy hại tại khu vực xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái đã hết thời hiệu (qua 4 năm 5 tháng) do đó chỉ có thể áp dụng quy định thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Rõ ràng, nếu hành vi này được "tội phạm hóa", việc truy cứu trách nhiệm hình sự đã có thể thực hiện vì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thấp nhất cũng là 5 năm. Tóm lại, có một điều chắc chắn là các chủ thể có hành vi xả chất thải, nhất là chất thải độc hại thì luôn tìm mọi cách để che giấu hành vi đen tối và xấu xa của mình. Nếu không có các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ cao thì rất khó phát hiện sớm để xử lý và khi phát hiện ra thì hậu quả thường đã rất lớn hoặc chủ thể vi phạm (nhất là các nhà đầu tư nước ngoài) đã "cao chạy xa bay". Việc xử lý hành chính vì vậy sẽ không bao giờ thực hiện được đối với những trường hợp này, nhưng nếu là xử lý hình sự, việc dẫn độ tội phạm là hoàn toàn có thể.

Trường hợp Công ty CP thuộc da Hào Dương xả thải không qua xử lý ra môi trường nhiều lần mà chỉ bị xử lý vi phạm hành chính và vụ việc lại do UBND Tp. HCM thụ lý theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường cũng có nhiều điều đáng bàn. Bất cứ ai quan tâm đến vấn nạn xả thải không qua xử lý ra môi trường cũng đều rất bức xúc trước các vi phạm của Công ty này. Việc chỉ bị xử lý hành chính làm cho Công ty này "nhờn thuốc" và không cải thiện thái độ đối với môi trường. Điều này đồng thời cũng gây ra sự phẫn nộ của dư luận và dấy lên sự nghi ngờ về năng lực cũng như tư cách của những người thực thi công vụ ở Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM. Nếu BLHS quy định pháp nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự thì người vào cuộc sớm để giải quyết vụ việc này là các cơ quan tố tụng và vụ việc sẽ được giải quyết nhanh hơn, hiệu quả hơn, không để vi phạm tiếp tục diễn ra và kéo dài, để lại hậu quả ngày càng lớn như đã xảy ra. Ngoài ra, khi vụ việc được giải quyết theo quy trình tố tụng chứ không phải trình tự thủ tục hành chính thì phán quyết của tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng và được tiến hành theo quy trình phức tạp, với sự kiểm tra, giám sát một cách chặt chẽ của Viện kiểm sát. Các cơ quan tiến hành tố tụng khi đó sẽ không thể một mình "tự tung tự tác" như khối các cơ quan hành chính với các công

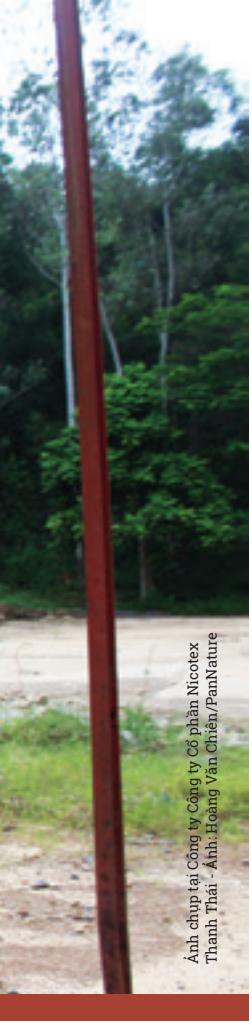

Ảnh chụp tại Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái - Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

vụ này. Trong điều kiện chế tài hành chính không còn tác dụng về cả hai phương diện trừng phạt và răn đe, điều này sẽ khiến các pháp nhân vi phạm không có cơ hội tiếp tục lặp lại sai phạm.

Hiện nay, trong nhóm các pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự, các tội phạm liên quan đến xâm hại môi trường được Dự thảo sửa đổi đề xuất trong điều 76 bao gồm: tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 231); tội vi phạm quy định về xử lý chất thải nguy hại (Điều 232); tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 236); tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 239); tội hủy hoại rừng (Điều 240); và tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 241). Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân xâm hại môi trường theo đề xuất của Dự thảo là vô cùng cần thiết và kịp thời nhằm hướng tới việc thực hiện Điều 43, Hiến pháp năm 2013: "Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường" và đồng thời đáp ứng được các yêu cầu của phát triển bền vững. Tuy nhiên, cần lưu ý thêm rằng riêng đối với vấn đề thời hiệu xử lý các tội phạm cho pháp nhân, đặc biệt là với tội phạm liên quan đến môi trường, do tính chất đặc biệt về nguy cơ để lại hậu quả lâu dài cũng như khả năng che giấu hành vi phạm tội rất cao thì thời hiệu khởi kiện nên được kéo dài hơn so với các loại tội phạm có cùng khung hình phạt. Việc quy định như vậy sẽ có tác dụng răn đe và có cơ sở để xử lý đối với các tội phạm về môi trường, phát huy được giá trị của BLHS trong điều kiện mới.

Ngoài ra, hậu quả đối với pháp nhân trong nhiều trường hợp ảnh hưởng nghiêm trọng đến người lao động ở các pháp nhân này và khi đó vấn đề lợi ích của người lao động là rất khó giải quyết. Do vậy, khi đặt ra các biện pháp trách nhiệm hình sự cho pháp nhân phải đặc biệt chú ý đến quyền lợi của người lao động. Đặc biệt, cần chuyển các loại tiền truy thu từ việc hưởng lợi bất chính từ các hoạt động vi phạm và tiền phạt mà các pháp nhân vào ngân sách nhà nước để giải quyết hậu quả của việc xử lý hình sự đối với pháp nhân. Các chế tài hình sự cũng nên hướng vào vấn đề lợi ích theo hướng là mức phạt phải luôn cao hơn mức hưởng lợi do vi phạm. Điều này giúp luật có tác dụng răn đe và ngăn chặn vi phạm tiếp tục xảy ra, nhất là đối với các cá nhân lợi dụng việc không xử lý hình sự đối với pháp nhân để thành lập các công ty TNHH một thành viên nhằm trục lợi từ việc khai thác và hủy hoại môi trường. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tư pháp, *Dự thảo BLHS sửa đổi*, 2015
2. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2015
3. Bộ Tư Pháp, *Báo cáo thẩm định BLHS (sửa đổi)*, ngày 13/02/2015
4. Bộ Tư pháp, *Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS năm 1999*, ngày 12/02/2015
5. Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB CAND, Hà Nội, 2010
6. Bộ Tư pháp, *Tổng hợp ý kiến Bộ, Ngành đối với dự thảo BLHS lấy ý kiên nhân dân*, 2015
7. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2015
8. Bình An, *Thi hành BLHS: Bất lực với tội phạm môi trường?*. Nguồn: http://bit.ly/btcs00404

SỐ VỤ ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC TỪ NĂM 2000 ĐẾN 2012

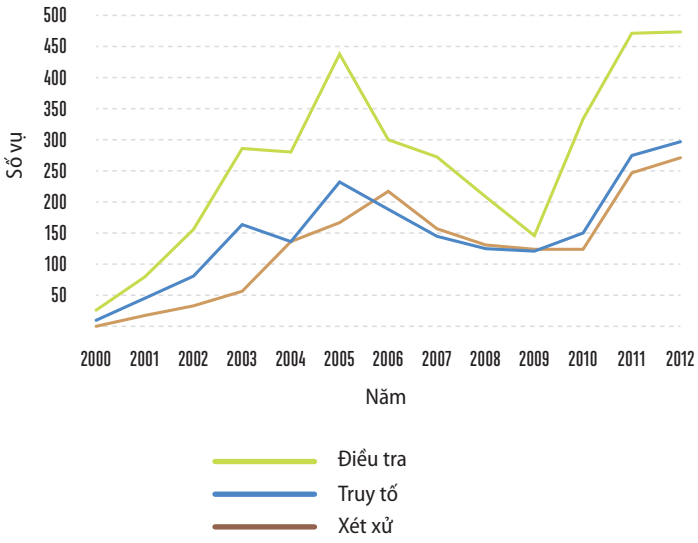

Nguồn số liệu: Nguyễn Hoàng Phượng/Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Dù đã có những nỗ lực nhất định trong việc xây dựng hệ thống chính sách bảo vệ môi trường, song hiệu quả thực thi các chính sách này ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Đâu là cốt lõi của vấn đề? Ấn phẩm *"Thực thi chính sách pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam nhìn từ khía cạnh tư pháp"* do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) xuất bản tháng 4/2015 đã mô tả, phân tích từng vấn đề bất cập trong cơ chế xử lý vi phạm hành chính; những khó khăn trong khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cũng như khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài tố tụng; vấn đề xử lý hình sự đối với tội phạm môi trường. Từ những phân tích được đúc rút, Ấn phẩm cũng đưa ra một số đề xuất liên quan đến cải cách tư pháp nhằm góp phần hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Quý độc giả quan tâm vui lòng xem tại *http://bit.ly/nature0016*. Trước và sau khi Ấn phẩm được xuất bản, PanNature cũng tổ chức nhiều sự kiện liên quan đến chủ đề này, đặc biệt là trong năm 2014. Vui lòng tham khảo thêm các tư liệu tại *http://bit.ly/nature0017*

Cấu thành tội phạm
của các tội phạm về môi trường

Tiến sĩ Phạm Văn Beo, Khoa Luật, Trường ĐH Cần Thơ

Cảnh sát bắt giữ tàu khai thác cát trái phép ở Nghệ An
Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Ở Việt Nam, tình hình vi phạm pháp luật về môi trường những năm gần đây diễn biến rất phức tạp cùng với đà phát triển kinh tế, để lại những hậu quả khôn lường tới sức khoẻ, tính mạng, tài sản của người dân và ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước. Trong khi đó, mặc dù gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội, trách nhiệm hình sự áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường lại quá nhẹ và trong nhiều trường hợp là không thể xử lý. Nguyên nhân của thực trạng nói trên, ngoài lý do tội phạm về môi trường ngày càng tinh vi, khó phát hiện, việc xử lý vi phạm pháp luật môi trường thiếu thống nhất và chưa nghiêm minh thì việc không thể xử lý hình sự theo nhận định của nhiều chuyên gia là do chính các quy định của pháp luật hình sự. Nghĩa là, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhưng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa rõ ràng, còn nhiều lỗ hổng để các đối tượng "lách luật". Một trong những lỗ hổng đó có thể kể đến vấn đề về quy định cấu thành tội phạm của các tội phạm môi trường, đặc biệt là mặt khách quan của tội phạm.

BLHS hiện hành quy định tội phạm môi trường với đa số là cấu thành tội phạm vật chất, nghĩa là hành vi phạm tội đòi hỏi phải có hậu quả xảy ra. Điều này khiến nảy sinh một số vướng mắc trong áp dụng bởi: i/ Hành vi được thực hiện nhưng hậu quả xảy ra ở thời gian sau đó rất xa khiến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đó không còn; ii/ Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra là vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi phải áp dụng kỹ thuật cao, không phải địa phương nào cũng có khả năng thực hiện. Vì những khó khăn này mà trong thời gian qua nhiều vụ vi phạm môi trường dù gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội, ai cũng dễ dàng nhận thấy nhưng được "cho qua" một cách dễ dàng.

> BLHS hiện hành quy định tội phạm môi trường với đa số là cấu thành tội phạm vật chất, nghĩa là hành vi phạm tội đòi hỏi phải có hậu quả xảy ra.

Cụ thể, trong số 11 tội phạm môi trường quy định trong BLHS hiện hành, có 6 cấu thành tội phạm được xây dựng là cấu thành tội phạm vật chất, bao gồm: tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 182), tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 182a), tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường (Điều 182b), tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 185), tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191), quy định tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 191a). Ngoài ra có 1 cấu thành tội phạm hình thức là tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 190); 3 cấu thành tội phạm vừa là hình thức vừa là vật chất, đó là: tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 187), tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản (Điều 188); và 1 cấu thành tội phạm chưa thể xác định

là cấu thành tội phạm kiểu gì là tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (Điều 186).

Có thể nói, việc các tội phạm môi trường trong BLHS hiện hành được xây dựng đa số là cấu thành tội phạm vật chất với dấu hiệu hậu quả chung chung, không có căn cứ rõ ràng để xác định đã khiến người áp dụng rất hoang mang giữa ranh giới bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Trong điều kiện ấy, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 ra đời càng khiến các cơ quan tiến hành tố tụng thà bỏ lọt tội phạm để tránh rắc rối. Điều này vô hình trung làm cho quy định về tội phạm môi trường vốn khá đầy đủ trong BLHS không được áp dụng hiệu quả trên thực tế.

Khắc phục những điểm yếu của BLHS hiện hành, các nhà soạn thảo BLHS sửa đổi đã có cái nhìn và cách tiếp cận tiến bộ đối với tội phạm môi trường theo hướng đề xuất *"Quy định cấu thành tội phạm các tội phạm về môi trường là cấu thành hình thức, đồng thời quy định tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm là dấu hiệu định tội đối với những trường hợp có hành vi vi phạm dưới mức định lượng tối thiểu của điều luật." (Ban Soạn thảo BLHS sửa đổi, 2015).* Bên cạnh đó, với các cấu thành tội phạm vật chất, Dự thảo đã cụ thể hoá bằng các con số để dễ dàng đối chiếu, chứng minh trong định tội. Chẳng hạn, ở Điều 231 quy định tội gây ô nhiễm môi trường (sửa đổi), các nhà soạn thảo đã xác định rõ các chỉ số tối thiểu so với quy chuẩn kỹ thuật. Khi đó, chỉ cần xác định được mức độ xả thải, phát bức xạ… để đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật thì có thể định tội; hoặc Điều 243 BLHS dự thảo sửa đổi, tại điểm a, khoản 1, các nhà dự thảo đã cụ thể hoá hậu quả thông qua "tang vật vi phạm trị giá từ 250.000.000 đồng trở lên hoặc trong trường hợp tang vật vi phạm trị giá dưới 250.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm". Điều này đã tạo thuận lợi cho việc định tội nhập khẩu các loài ngoại lai xâm hại. Ngoài ra, Điều 232 cũng quy định tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại với nội dung yêu cầu trọng lượng chất thải tối thiểu có chứa thành phần nguy hại đặc biệt hoặc nguy hại khác so với ngưỡng chất thải nguy hại.

Việc quy định cấu thành hình thức đối với tội phạm về môi trường là hướng đi đúng đắn hứa hẹn giải quyết được những lỗ hổng của pháp luật hiện hành trong xử lý tội phạm về môi trường. Tuy nhiên, việc Dự thảo BLHS sửa đổi vẫn duy trì nhiều quy định với dấu hiệu hậu quả có thể sẽ hạn chế khả năng xác định tội phạm để xử lý. Cụ thể, có thể thấy, đa số các cấu thành tội phạm của tội phạm môi trường trong BLHS dự thảo vẫn còn duy trì dấu hiệu "gây hậu quả nghiêm trọng" (Điều 232, 233, 234, 235, 236, 238, 239, 242, 243), "làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng" (Điều 233), "số lượng lớn" (Điều 236). Thậm chí, Điều 237 sửa đổi về Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người còn chưa rõ là cấu thành tội phạm hình thức hay vật chất. Điều luật này bị lỗi ở chỗ phần quy định chung đã có cụm từ "làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người", nghĩa là hành vi vi phạm (liệt kê bên dưới) phải gây ra hậu quả là làm lây lan dịch bệnh (cấu thành tội phạm vật chất). Tuy nhiên, ở phần các hành vi cụ thể thì quy định có sự mâu thuẫn khi quy định hành vi vi phạm chỉ cần "có khả năng truyền bệnh cho người" là đã cấu thành tội phạm (cấu thành tội phạm hình thức). Như vậy, ở đây sẽ nảy sinh câu hỏi vì không rõ nhà làm luật có đòi hỏi tội phạm này phải gây ra hậu quả hay không.

Cách quy định như vậy khiến có thể thấy trước nguy cơ rằng luật sẽ tiếp tục bỏ lọt các tội phạm xâm hại môi trường và chỉ có số ít hành vi bị xử lý trên thực tế như trong thời gian qua. Vậy vấn đề nên được giải quyết thế nào?

Việc quy định cấu thành hình thức đối với tội phạm về môi trường là hướng đi đúng đắn hứa hẹn giải quyết được những lỗ hổng của pháp luật hiện hành trong xử lý tội phạm về môi trường.

Thật ra, quy định tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức sẽ dễ dàng hơn trong áp dụng. Tuy nhiên, việc quy định tội phạm có cấu thành hình thức hay vật chất phải dựa vào bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm có tính nguy hiểm cao, các nhà làm luật nên quy định cấu thành tội phạm hình thức. Đối với những hành vi vi phạm có tính nguy hiểm thấp, cần dấu hiệu hậu quả mới có tính nguy hiểm đáng kể thì các mức độ hậu quả phải được quy định rõ ràng, định lượng bằng các con số. Trong trường hợp đối tượng thiệt hại chưa xác định được một cách chính xác thì các hậu quả phải được dự kiến để định hướng cho các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, tạo căn cứ pháp lý cho việc áp dụng. Ví dụ, tại Điều 233 BLHS dự thảo, các nhà làm luật cần nghiên cứu và cụ thể hoá các hậu quả "môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng", hoặc "gây hậu quả nghiêm trọng khác" bằng các chỉ số cụ thể, có căn cứ để đối chiếu; hoặc tại Điều 237 BLHS dự thảo, để việc áp dụng được thuận lợi, hoặc phải bỏ cụm từ "làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người" ở phần chung điều luật, hoặc phải bỏ nội dung "có khả năng truyền bệnh dịch cho người" để được hiểu thống nhất đây là cấu thành tội phạm hình thức hay vật chất. Ngoài ra, có thể ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể các trường hợp hậu quả tương tự như Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNNPTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC (08/3/2007) hướng dẫn thế nào là "hậu quả nghiêm trọng" theo các quy định của BLHS hiện hành. Phương án này dành cho các hậu quả đối với nhiều đối tượng phạm tội mà việc cụ thể hóa trong điều luật sẽ rất rườm rà, phức tạp.

Như vậy, tùy trường hợp cụ thể, nhà làm luật có thể quyết định cách quy định về dấu hiệu khách quan của các tội phạm môi trường sao cho vừa thuận lợi trong áp dụng mà Luật vẫn đảm bảo súc tích, ngắn gọn và dễ hiểu. Có như vậy, các quy định về tội phạm môi trường mới thực sự phát huy hiệu quả trong thực tế. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Soạn thảo BLHS (sửa đổi), *Dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động dự án BLHS (sửa đổi)*, 2015
2. Bộ Tư pháp, *Dự thảo Luật Hình sự sửa đổi*, 2015
3. Quốc Hội, *Luật hình sự sửa đổi bổ sung*, 2009

Khai thác cát làm sạt lở bờ sông
Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Tăng mức phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân

Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Hội Luật gia Tp. Hồ Chí Minh

Việc Dự thảo BLHS sửa đổi lần này đề xuất quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là vô cùng cần thiết, bởi nếu chỉ áp dụng các chế tài hành chính đối với pháp nhân thì sẽ không đủ sức răn đe, không tương xứng với hậu quả mà các chủ thể này gây ra cũng như khoản lợi bất hợp pháp mà họ thu được từ hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Dự thảo cần sửa đổi thêm theo hướng tăng nặng mức phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân.

Đơn cử, tại Điều 231 của Dự thảo quy định về Tội gây ô nhiễm môi trường có nêu: *cá nhân vi phạm tại Khoản 1 Điều 231 có thể bị phạt từ 1 tỷ - 2 tỷ, pháp nhân thì bị phạt từ 1 tỷ - 3 tỷ; nếu vi phạm Khoản 2 Điều 231, cá nhân bị phạt từ 2 tỷ - 5 tỷ, còn pháp nhân bị phạt 3 tỷ - 5 tỷ…* Như vậy, có thể nhận thấy, mức phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân và cá nhân chênh lệch không nhiều, trong khi nguồn lợi mà pháp nhân thu được từ hành vi phạm tội thường lớn hơn rất nhiều so với cá nhân. Do đó, cần tăng mức phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân hoặc mức phạt tiền cần phải dựa trên lợi nhuận, giá trị mà pháp nhân thu được từ hành vi phạm tội.

Trên thực tế, việc tăng nặng mức phạt tiền đối với pháp nhân trong việc xử lý các vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm về môi trường nói riêng được áp dụng khá phổ biến và hiệu quả ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Singapore – đất nước của màu xanh và môi trường sạch đẹp. Các đạo luật ở Singapore áp dụng nhiều mức phạt tiền khác nhau, tùy thuộc vào từng đạo luật và mức độ nguy hiểm của hành vi gây ra. Chẳng hạn như trường hợp đổ rác nơi công cộng, nếu bị Tòa án kết tội, người vi phạm có thể bị phạt đến 10.000 USD cho vi phạm lần đầu tiên và 20.000 USD nếu tái phạm. Đối với Dự thảo BLHS sửa đổi lần này, mặc dù các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân (quy định tại Điều 33) cũng đề cập đến hình thức phạt tiền bên cạnh một số hình thức xử phạt khác như: tước quyền sử dụng giấy phép, cấm kinh doanh, yêu cầu khắc phục hậu quả…, tuy nhiên mức phạt tiền đối với pháp nhân cần tăng nặng hơn nữa nhằm đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật.

Ngoài ra, nội dung Điều 75 của Dự thảo quy định về nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân cũng cần được xem xét lại. Cụ thể, Điều 75 có nêu: pháp nhân chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: (i) hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân; (ii) hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân; (iii) hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Tuy nhiên, đối chiếu với các quy định khác của pháp luật cho thấy điều kiện thứ ba không phù hợp, không khả thi bởi pháp nhân không phải là thực thể hữu hình và không thể tự mình "chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận" cho nhân viên công ty thực hiện hành vi phạm tội. Chẳng hạn, trong mô hình công ty hiện nay, bộ phận đại diện cho các chủ sở hữu công ty là Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (trong mô hình công ty TNHH) và các giám đốc sẽ chỉ đạo, điều hành hoạt động công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật doanh nghiệp. Do đó, cần sửa điều kiện thứ ba nêu trên thành "(iii) hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của ban lãnh đạo công ty". ■

Xử lý vi phạm
và bồi thường thiệt hại về môi trường

TS. Nguyễn Văn Phương, Trường Đại học Luật Hà Nội

Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được pháp luật ghi nhận lần đầu tiên tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 1993 và được đề cập rõ hơn tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 rồi Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014. Tuy nhiên, khác với nhiều loại thiệt hại do các hành vi vi phạm pháp luật khác gây ra, thiệt hại do các hành vi vi phạm về môi trường có những đặc thù cần được đặc biệt lưu ý trong quá trình hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi các bộ luật về hình sự và dân sự đang được thảo luận sửa đổi tại Quốc hội.

Bổ sung loại thiệt hại liên quan đến suy giảm chức năng môi trường

Điều 163 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 quy định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm: *(i) suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; (ii) thiệt hại về sức khỏe, tính mạng con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.* Tuy nhiên, Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi chỉ xác định các loại thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm: thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (Điều 587); thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 588); thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (Điều 589); thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm (Điều 590).

Đáng chú ý là theo quy định về tài sản tại Điều 105 và quy định về thiệt hại do tài sản bị xâm hại tại Điều 587 của Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi, môi trường không phải là tài sản và thiệt hại cho môi trường không phải là thiệt hại thuần túy về tài sản được liệt kê. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất giữa Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi và Luật Bảo vệ Môi trường, qua đó đảm bảo quyền và nghĩa vụ đòi bồi thường của Nhà nước, của chủ thể đại diện quyền sở hữu toàn dân đối với các thành phần môi trường, cần bổ sung quy định về loại thiệt hại *"suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường"* trong Chương XIX Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi.

Bổ sung mô hình khiếu kiện tập thể

Hầu hết các vụ vi phạm xảy ra trong thời gian qua cho thấy số lượng người bị thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường thường rất lớn. Đơn cử như Công ty TNHH Vedan xả thải gây ảnh hưởng tới hơn 5000 hộ thuộc ba tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu hay Công ty Sonadezi Long Thành bị hàng trăm hộ dân gửi đơn kiện đòi bồi thường vì xả thải gây ô nhiễm hoặc gần đây là vụ Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái chôn hàng chục nghìn tấn thuốc trừ sâu khiến gần 900 hội viên Hội Nông dân đệ đơn lên tòa.

Một điểm ô nhiễm ở Phú Thọ - Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

Với các vụ vi phạm mang đặc trưng người thiệt hại là số đông này, nếu từng chủ thể bị thiệt hại là nguyên đơn trong một vụ kiện thì việc xét xử sẽ bất khả thi bởi số lượng vụ kiện quá nhiều trong khi khả năng xét xử có hạn. Do đó, Bộ luật Dân sự năm 2005 đã có quy định về vấn đề đại diện theo ủy quyền (từ Điều 142 đến Điều 147 - tương ứng với Chương IX của Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi). Cụ thể, những người bị thiệt hại là số đông có thể ủy quyền cho một hoặc một số người tham gia tố tụng theo quy định, trong đó, nội dung, phạm vi thẩm quyền đại diện và trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền được xác định thông qua sự thỏa thuận giữa người được đại diện và người đại diện. Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền (quy định tại Điều 74, khoản 2 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 – tương ứng Điều 82 Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi).

Với các vụ vi phạm mang đặc trưng người thiệt hại là số đông này, nếu từng chủ thể bị thiệt hại là nguyên đơn trong một vụ kiện thì việc xét xử sẽ bất khả thi bởi số lượng vụ kiện quá nhiều trong khi khả năng xét xử có hạn.

Tuy nhiên, vấn đề "ủy quyền hoàn toàn" hay "ủy quyền toàn bộ" hay chỉ "ủy quyền tham gia tố tụng" cũng là điều rất cần được xem xét. Nếu thực hiện theo phương án "ủy quyền hoàn toàn" thì có thể dẫn đến sự lạm quyền của người được ủy quyền. Còn phương án "ủy quyền tham gia tố tụng" thì sẽ dẫn tới tình trạng người được ủy quyền phải xin ý kiến những người ủy quyền, có thể là rất nhiều lần và khi số lượng người bị thiệt hại lớn thì có thể có những quan điểm khác nhau trong việc giải quyết cùng một vấn đề. Điều này có thể khiến hoạt động ủy quyền nảy sinh nhiều phức tạp về mặt pháp lý khi người được ủy quyền xin ý kiến những người ủy quyền về một vấn đề nào đó nhưng có những ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập lợi ích. Lúc này, người được ủy quyền sẽ phải từ chối việc nhận ủy quyền của một trong những nhóm có lợi ích đối lập - theo quy định tại Điều 75, khoản 1, điểm b Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, tương ứng Điều 84, khoản 2 điểm b Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi.

Giải pháp cho vấn đề này là trong trường hợp người bị thiệt hại có số lượng lớn, có thể cần tới một cơ chế ủy quyền đặc thù trong việc giải quyết các trường hợp về bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường gây ra. Cụ thể: cần xem xét và bổ sung mô hình "khiếu kiện tập thể" trong Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi và Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi – hình thức vốn được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Trung Quốc, Indonesia, Philippin… và từng được nhiều nhà khoa học đề xuất (Vũ Thu Hạnh, 2004) trước đó.

Tòa không được từ chối vụ án vì lý do chưa có chứng cứ

Thực tế các vụ khiếu kiện đòi bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường thời gian qua cho thấy với những hạn chế về nhận thức, hiểu biết và khả năng tài chính, phần lớn người bị thiệt hại (chủ yếu là người dân) đều không thể đưa ra chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nếu cơ quan quản lý nhà nước không thực hiện trách nhiệm trong việc xác định hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả gây ô nhiễm cũng như xác định thiệt hại do hành vi vi phạm đó (quy định tại các Điều 107, khoản 1 điểm c; Điều 111, khoản 2 và Điều 164 khoản 1 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014).

Mặc dù Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi cũng quy định trách nhiệm thu thập chứng cứ của tòa án (tại Điều 6) và quyền yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ của tổ chức, cá nhân, bao gồm cả người bị hại (tại Điều 94, khoản 1 điểm e) khi đương sự có yêu cầu, tuy nhiên, rất có thể tòa án sẽ từ chối tiếp nhận đơn kiện và thụ lý vụ án khi nhận thấy đương sự không có chứng cứ chứng minh. Điều đáng nói, đây là trường hợp khá phổ biến trong những vụ án dân sự trong lĩnh vực môi trường và hoàn toàn có thể tiếp tục xảy ra bởi Điều 4, khoản 2 Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự chỉ quy định "tòa án không được từ chối giải quyết vụ án dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng" chứ không nêu "tòa án không được từ chối giải quyết vụ án dân sự vì lý do đương sự chưa có chứng cứ chứng minh". Do đó, cần bổ sung Điều 4, khoản 2 Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự theo hướng *"Tòa án không được từ chối giải quyết vụ án dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng hoặc vì lý do đương sự chưa có chứng cứ chứng minh".* ■

Tài liệu tham khảo:

1. Tòa án Nhân dân tối cao, *Dự thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi,* 2015
2. Bộ Tư pháp, *Dự thảo Bộ luật Dân sự sửa đổi,* 2015
3. Quốc hội, *Luật Bảo vệ Môi trường,* 2014
4. Vũ Thu Hạnh, Luận án Tiến sĩ *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam,* Đại học luật Hà nội, 2004

Xuất phát từ những khó khăn của người dân trong việc yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do các hành vi ô nhiễm môi trường gây ra – điển hình là trường hợp Công ty TNHH Vedan xả thải trái phép, từ năm 2009, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) đã khởi xướng một nghiên cứu về quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật môi trường ở Việt Nam. Nghiên cứu thực hiện rà soát các quy định pháp luật liên quan để đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị liên quan. Báo cáo do một số chuyên gia về luật môi trường thuộc Đại học Luật Hà Nội soạn thảo và được PanNature bổ sung, biên tập. Báo cáo xuất bản năm 2009 và tiếp tục được cập nhật vào năm 2011 - mời Quý độc giả tham khảo chi tiết tại *http://bit.ly/nature0018*

Đề xuất sửa đổi một số quy định về tội phạm môi trường trong bộ luật hình sự

Nguyễn Minh Đức, Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Tội phạm môi trường dù đã được đưa vào BLHS của Việt Nam từ năm 1999 song trong suốt hơn 14 năm thi hành mới chỉ áp dụng chủ yếu với hai tội danh là tội hủy hoại rừng và tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm. Các tội danh khác rất ít hoặc thậm chí chưa bao giờ được sử dụng để tuyên án, trong đó có những tội rất quan trọng như tội gây ô nhiễm không khí, tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do các tội danh được quy định quá chung chung, chưa phù hợp với thực tiễn pháp lý tại Việt Nam. Phương pháp quy định chung như vậy chỉ có thể phát huy hiệu quả trong những hệ thống pháp luật mà các thẩm phán có thể chủ động giải thích pháp luật, hoặc với các tội phạm truyền thống. Trong khi đó tại Việt Nam, các thẩm phán và cơ quan tiến hành tố tụng thường rất thụ động với việc giải thích luật trong quá trình áp dụng. Hơn nữa, tội phạm môi trường là tội phạm phi truyền thống, chưa có các tiền lệ cũng như tài liệu phân tích đầy đủ, vững chắc để các thẩm phán có thể dựa vào đó mà xét xử. Do đó, phương pháp phù hợp nhất để xử lý vấn đề tội phạm môi trường ở Việt Nam là quy định càng chi tiết, rõ ràng trong BLHS và các văn bản hướng dẫn càng tốt. Dưới đây là một số kiến nghị cụ thể cho từng vấn đề, điều luật, tội danh trong chương Tội phạm môi trường của Dự thảo BLHS.

Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

Tội gây ô nhiễm môi trường

Hiện nay, Dự thảo BLHS đã có quy định tương đối rõ ràng về Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 231) thông qua việc nêu rõ 4 loại hành vi cụ thể. Đây là sửa đổi hợp lý, tuy nhiên điều luật này vẫn có một số điểm chưa đáp ứng yêu cầu, cụ thể như sau: (i) Chưa phù hợp với Điều 232 về tội vi phạm quy định về xử lý chất thải nguy hại. Theo đó, cùng là hành vi cố ý đổ thải ra môi trường, nhưng nếu đó là chất thải nguy hại thì xử lý nhẹ hơn so với chất thải thông thường (Điều 232 có khung hình phạt thấp hơn Điều 231); (ii) Quy định cả các hành vi về bức xạ, phóng xạ là không thực sự cần thiết khi đã có tội danh riêng đối với quản lý chất phóng xạ; (iii) Các mức xử phạt hiện nay đang được lấy dựa trên khung cao nhất của xử lý hành chính trong khi soạn thảo các văn bản về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường lấy các mức đó trong bối cảnh không thể xử lý hình sự; (iv) Không cần thiết phải xử lý hình sự đối với các loại chất thải rắn thông thường vì mức độ nguy hại của loại chất thải này tương đối thấp; và (v) Chưa lượng hóa mức độ thiệt hại.

Do đó, Điều 231 của Dự thảo nên được sửa đổi lại như sau:

Điều 231. Tội gây ô nhiễm môi trường

1. *Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm:*

a) Xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần trở lên hoặc có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,85 đến 14 trong trường hợp lưu lượng nước thải từ 3000m3/ngày đến dưới 5000m3/ngày;

b) Thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 3 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 120.000m3/giờ đến dưới 200.000m3/giờ;

c) Chôn, lấp, đổ thải 3000kg đến dưới 4000kg chất thải có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc từ 12.000 kg đến dưới 16.000 kg đối với chất thải có chứa các thành phần nguy hại khác;

d) Xả nước thải, thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, chôn, lấp, đổ thải chất thải mà gây tổng thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác và thiệt hại đối với môi trường trị giá từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hoặc phạt tù 3 năm đến 7 năm:*

a) Xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần trở lên hoặc có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,85 đến 14 trong trường hợp lưu lượng nước thải từ 5000m3/ngày đến dưới 8000m3/ngày;

b) Thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 3 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 200.000m3/giờ đến dưới 300.000m3/giờ;

c) Chôn, lấp, đổ thải 4000kg đến dưới 5000kg chất thải có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc từ 16.000kg đến dưới 20.000kg đối với chất thải có chứa các thành phần nguy hại khác;

d) Xả nước thải, thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, chôn, lấp, đổ thải chất thải mà gây tổng thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác và thiệt hại đối với môi trường trị giá từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 5 tỷ đồng đến 7 tỷ đồng hoặc phạt tù 7 năm đến 12 năm:*

a) Xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần trở lên hoặc có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,85 đến 14 trong trường hợp lưu lượng nước thải từ 8000m3/ngày trở lên;

b) Thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 3 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 300.000m3/giờ trở lên;

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

c) Chôn, lấp, đổ thải từ 5000kg trở lên chất thải có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc từ 12.000kg trở lên đối với chất thải có chứa các thành phần nguy hại khác;

d) Xả nước thải, thải khí, bụi có chứa các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, chôn, lấp, đổ thải chất thải mà gây tổng thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác và thiệt hại đối với môi trường trị giá từ 500 triệu đồng trở lên.

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 300 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.*

5. *Pháp nhân phạm tội quy định tại Điều này thì bị phạt như sau:*

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì bị phạt tiền từ 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì bị phạt tiền từ 4 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì bị phạt tiền từ 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng hoặc bị tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm;

d) Pháp nhân còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 1 đến 3 năm

Tội vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng

BLHS 2009 có hai tội danh về bảo vệ môi trường mang tính chất vô ý là Tội vi phạm các quy định về quản lý chất thải nguy hại và Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường. Dự thảo BLHS lại chuyển Tội vi phạm các quy định về quản lý chất thải nguy hại từ lỗi vô ý thành lỗi cố ý và giữ nguyên yếu tố lỗi trong Tội về sự cố môi trường. Cách tiếp cận này không hợp lý và cũng không cần thiết phải phân loại. Về vấn đề này, BLHS chỉ cần quy định hai tội, một tội với lỗi cố ý – Tội gây ô nhiễm môi trường (đã trình bày trên) và một tội với lỗi vô ý - Tội vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng. Theo đó, tội với lỗi cố ý thì có thể bị truy cứu mà không cần yếu tố thiệt hại thực tế còn tội với lỗi vô ý thì cần có yếu tố thiệt hại.

Như vậy, có thể nhập các Tội danh vi phạm quy định về quản lý chất thải và Tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường thành một tội và mở rộng phạm vi ra tất cả các hành vi khác mà vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Điều 233: Tội vi phạm quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng

1. *Người nào vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác hoặc thiệt hại về môi trường với tổng giá trị từ 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng thì bị phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.*

2. *Phạm tội gây thiệt hại có tổng giá trị từ 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng thì thì bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, hoặc phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.*

3. *Phạm tội gây thiệt hại có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở* lên *thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.*

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 150 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.*

5. *Pháp nhân phạm tội quy định tại Điều này thì bị phạt như sau:*

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì bị phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì bị phạt tiền từ 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hoặc bị tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm; >

Khai thác gỗ ở Kon Tum
Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

d) Pháp nhân còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 1 đến 3 năm

Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam

Tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải hoặc các chất không bảo đảm tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong BLHS năm 1999 đã được sửa đổi thành Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam vào năm 2009. Mặc dù đã có nhiều trường hợp nhập khẩu hàng hóa, phế liệu, máy móc thiết bị có chứa hóa chất, vật liệu có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng cho đến thời điểm này rất hiếm hoi các vụ việc được xử lý hình sự. Theo số liệu thống kê của Toà án nhân dân tối cao, kể từ năm 2001 - 2010, ngành Toà án nhân dân chỉ xét xử hai vụ về Tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải và các chất không bảo đảm tiêu chuẩn BVMT (Nguyễn Trí Chinh, 2010). Bất cập chủ yếu nằm ở chỗ không xác định được như thế nào là "số lượng lớn" và "gây hậu quả nghiêm trọng". Do đó, khi sửa đổi Tội danh này chỉ cần lượng hóa các khái niệm này. Cụ thể như sau:

Điều 236. Tội đưa chất thải, hóa chất cấm vào lãnh thổ Việt Nam

1. *Người nào đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật chất thuộc các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:*

a) Chất thải nguy hại có khối lượng từ 1000kg đến dưới 2000kg

b) Chất thải thông thường có khối lượng từ 10.000kg đến dưới 20.000kg

c) Phế liệu có chứa tạp chất nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về ngưỡng chất thải nguy hại từ 2 lần trở lên với khối lượng từ 10.000kg đến dưới 20.000kg;

d) Hóa chất cấm có khối lượng từ 100kg đến 200kg trừ trường hợp được phép nhập khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh.

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:*

a) Chất thải nguy hại có khối lượng từ 2000kg đến dưới 5000kg

b) Chất thải thông thường có khối lượng từ 20.000kg đến dưới 50.000kg

c) Phế liệu có chứa tạp chất nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về ngưỡng chất thải nguy hại từ 3 lần trở lên với khối lượng từ 20.000kg đến dưới 50.000kg;

d) Hóa chất cấm có khối lượng từ 200kg đến 500kg trừ trường hợp được phép nhập khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh.

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm:*

a) Chất thải nguy hại có khối lượng từ 5000kg trở lên;

b) Chất thải thông thường có khối lượng từ 50.000kg trở lên;

c) Phế liệu có chứa tạp chất nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về ngưỡng chất thải nguy hại từ 3 lần trở lên với khối lượng từ 50.000kg trở lên;

d) Hóa chất cấm có khối lượng từ 500kg trở lên trừ trường hợp được phép nhập khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh.

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cầm hàng nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm*

5. *Pháp nhân phạm tội quy định tại Điều này thì bị phạt như sau:*

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì bị phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì bị phạt tiền từ 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng hoặc tạm đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 1 năm;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì bị phạt tiền từ 10 tỷ đến 15 tỷ đồng hoặc bị tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 3 năm.

d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này thì bị tước quyền sử dụng giấy phép vĩnh viễn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

đ) Pháp nhân còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 1 năm đến 3 năm. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Trí Chinh, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội phạm về môi trường theo luật hình sự Việt Nam*, 2010
2. Bộ Tư pháp, *Dự thảo Luật Hình sự sửa đổi*, 2015
3. Quốc Hội, *Luật hình sự sửa đổi bổ sung,* 2009

Một vấn đề nữa được đưa ra thảo luận về Dự thảo BLHS lần này là nguồn của luật hình sự. Từ trước đến nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, BLHS là văn bản pháp luật duy nhất quy định về tội phạm và hình phạt. Tuy nhiên, kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, cách làm này không phù hợp với vấn đề tội phạm môi trường. Trong quá trình lập pháp ở nhiều quốc gia, Bộ Tư pháp là cơ quan chuyên trách về hình sự thường sẽ chịu trách nhiệm soạn thảo BLHS. Cơ quan này thường có chuyên môn sâu về việc đấu tranh chống các tội phạm truyền thống liên quan đến việc xác định yếu tố cấu thành và hình phạt tương ứng. Tuy nhiên, những cơ quan, chuyên gia này lại gặp nhiều khó khăn trong việc xác định và xử lý các tội phạm phi truyền thống do yếu tố hành vi của các tội phạm này rất đa dạng, xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng cần có kinh nghiệm và kiến thức chuyên ngành. Để khắc phục tình trạng này, nhiều quốc gia đã cho phép các đạo luật khác cũng được quy định về tội phạm và hình phạt, nhưng phải đảm bảo tương thích với các tiêu chuẩn của BLHS. Để làm được điều này, thủ tục lập pháp yêu cầu các đạo luật khác nếu có quy định về tội phạm và hình phạt thì phải được đồng thời cả hai cơ quan chấp thuận trình là Bộ Tư pháp và bộ chuyên ngành. Nói cách khác, Bộ Tư pháp có quyền phủ quyết việc trình một đạo luật vì lý do các quy định về tội phạm và hình phạt trong đạo luật đó chưa đáp ứng các tiêu chuẩn của BLHS.

Tại Việt Nam, đơn vị được phân công soạn thảo ban đầu BLHS là Vụ Hình sự - Hành chính của Bộ Tư pháp. Bộ luật sau đó được trình lên Chính phủ và Chính phủ tiếp tục trình lên Quốc hội. Kết quả của quá trình này là các tội danh phi truyền thống thường được quy định rất chung chung, gây khó khăn cho việc áp dụng như đã phân tích trên. Hơn nữa, chu kỳ sửa đổi BLHS thường kéo dài hàng chục năm và người chủ động đề xuất sửa đổi thường là Bộ Tư pháp. Quy trình này khiến cho các quy định về tội phạm phi truyền thống, trong đó có tội phạm môi trường, thường không theo kịp nhu cầu điều chỉnh xã hội. Để khắc phục tình trạng này, BLHS của Việt Nam có thể bổ sung quy định cho phép các luật khác cũng được quy định về tội phạm và hình phạt, với điều kiện rằng các điều luật này phù hợp với chính sách và pháp luật hình sự của Việt Nam. Để bảo đảm điều này, BLHS có thể dành thêm một điều luật để sửa Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nội dung liên quan đến quy trình xây dựng dự án Luật, theo đó, nếu Bộ Tư pháp không đồng tình thì các quy định về tội phạm và hình phạt trong các đạo luật khác sẽ không được trình ra Chính phủ và Quốc hội.

(Nguyễn Minh Đức, Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Nguy cơ bỏ lọt tội phạm về Động vật hoang dã

Bùi Thị Hà, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên

15 năm tù là khung hình phạt tối đa cho tội phạm về động vật hoang dã – theo quy định tại Điều 241 Dự thảo Bộ luật Hình sự sửa đổi, cao hơn mức phạt tối đa 7 năm theo quy định của Luật Hình sự năm 2009. Việc tăng nặng mức phạt là điều cần thiết và được đánh giá là điểm tiến bộ, song quy định mới vẫn tồn tại nhiều kẽ hở và có nguy cơ bỏ lọt tội phạm về động vật hoang dã.

Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 1999 - được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 - quy định hình phạt cao nhất cho loại tội phạm về động vật hoang dã là 7 năm tù. Tuy nhiên, trong suốt các năm từ 2009 đến 2013, chỉ có khoảng 6% tổng số vi phạm được đưa ra xét xử[1] với mức phạt phổ biến là cải tạo không giam giữ và tù treo[2]. Đặc biệt, trong số các vụ được đưa ra xét xử thì chỉ duy nhất một trường hợp bị cáo phải nhận mức án cao nhất là 7 năm tù giam (ENV, 2014).

Trong Dự thảo Bộ luật Hình sự sửa đổi, nội dung Điều 190 tương ứng Điều 241 với điểm đáng lưu ý nhất là nâng mức phạt tối đa lên 15 năm tù so với 7 năm trước đây. Đây là một sự thay đổi tích cực và có ý nghĩa lớn trong việc răn đe các đối tượng vi phạm.Tuy nhiên, một số nội dung của điều luật vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm về động vật hoang dã – loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, được xếp ngang hàng với tội phạm về ma túy, vũ khí và rửa tiền[3].

Bỏ sót đối tượng bị xử lý hình sự

Cả Điều 190 và Điều 241 đều quy định đối tượng bị xử lý hình sự trong trường hợp này là các hành vi vi phạm đối với các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (hiện có 83 loài – theo quy định tại Nghị định số 160/2013/NĐ-CP). Điều này cũng có nghĩa là các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến các loài không thuộc Danh mục nêu trên sẽ chỉ bị xử lý hành chính thay vì hình sự. Đây là một lỗ hổng rất lớn bởi trên thực tế đã có nhiều vụ buôn bán, săn bắt, giết hại các loài không nằm trong nhóm nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ với số lượng vi phạm rất lớn, song không hề bị khởi tố. Hệ quả là nhiều loài bị khai thác tới mức cạn kiệt, thậm chí tuyệt chủng trong tự nhiên.

Trong số các loài không thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Điều 241 Dự thảo Luật cần đặc biệt lưu ý đến các loài trong Phụ Lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp – CITES và bổ sung các hành vi vi phạm liên quan đến nhóm loài này cũng phải bị xử lý hình sự. Lý do là bởi nhiều loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I CITES tuy không có phân bố trên lãnh thổ Việt Nam nhưng lại thường xuyên bị vận chuyển, mua bán hoặc trung chuyển qua lãnh thổ Việt Nam, chẳng hạn như sừng tê giác, ngà voi châu Phi… Tuy nhiên, do quy định pháp luật chưa rõ ràng nên không thể khởi tố và xét xử triệt để các vụ vi phạm này. Việc nhiều loài động vật đặc biệt nguy cấp của thế giới (thuộc Phụ lục I CITES) không được đưa vào Danh mục loài

nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Việt Nam dẫn đến nhiều hệ lụy đáng tiếc như: làm tăng nguy cơ tuyệt chủng của một số loài nguy cấp trên phạm vi toàn cầu; gia tăng tội phạm môi trường, tội phạm đối với động vật hoang dã nguy cấp ở Việt Nam; khiến pháp luật Việt Nam thiếu tương thích với thông lệ quốc tế…

Thêm điểm đáng lưu ý là ngoài các loài thuộc Phụ lục I CITES còn một số loài nguy cấp, quý, hiếm trong nước cũng chưa được ưu tiên bảo vệ, chẳng hạn như các loài thuộc nhóm IIB (Danh mục động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm) của Nghị định 32/2006/NĐ-CP. Điều này thể hiện ở chỗ hành vi vi phạm đối với các loài này dù gây tổn hại đến hàng trăm cá thể cũng chỉ phải chịu mức phạt cao nhất là 500 triệu đồng - theo Nghị định 157/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng. Trong khi đó, theo Báo cáo số 683/BC-KL-QLR ngày 17/12/2014 của Cục Kiểm lâm về Công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2014 và Phương hướng nhiệm vụ bảo vệ rừng năm 2015, mặc dù số lượng các vụ vi phạm liên quan đến động vật hoang dã có chiều hướng giảm, song số lượng động vật tịch thu trong các vụ việc lại không có chiều hướng tương tự. Điều này cho thấy tội phạm về động vật hoang dã ngày càng có xu hướng buôn bán lớn. Vì vậy, cần quy định chế tài hình sự cho các trường hợp vi phạm với số lượng lớn hoặc đặc biệt lớn nhằm góp phần ngăn chặn các loài thuộc nhóm IIB khỏi tiến trình trở thành các loài "nguy cấp, quý, hiếm".

Trường hợp tê tê vàng và Tê tê Java của Việt Nam là một minh chứng. Trước năm 2014, hai loài này chỉ được liệt kê tại nhóm IIB thuộc Nghị định 32/2006/NĐ-CP và không được liệt kê trong nhóm "ưu tiên bảo vệ" nên các vi phạm liên quan đến Tê tê vàng và Tê tê Java trong mọi trường hợp chỉ bị xử phạt hành chính. Đáng chú ý là nhiều vụ buôn bán tê tê có số lượng lên đến hàng chục tấn nhưng tất cả đều không bị khởi tố, thậm chí tang vật tê tê còn được các cơ quan chức năng đem bán đấu giá. Hiện cả hai loài đã được đưa vào danh sách ưu tiên bảo vệ do chúng sắp cạn kiệt trong tự nhiên. Bài học từ tê tê cho thấy pháp luật hình sự cần có hình thức xử lý vi phạm với số lượng đặc biệt lớn liên quan đến các loài động vật hoang dã khác, trong đó có nhóm loài thuộc Phụ lục I CITES thay vì chỉ ưu tiên bảo vệ các loài quý, hiếm được ưu tiên.

Bỏ quên hành vi tàng trữ, chế biến động vật hoang dã trái phép

Thêm điểm tương đồng giữa Điều 190 và Điều 241 sửa đổi là cả hai đều không quy định về xử lý vi phạm liên quan đến việc "tàng giữ" và "chế biến" động vật hoang dã trái phép. Đây tiếp tục là một lỗ hổng trong Dự thảo Luật bởi xét đến cùng, mức độ nghiêm trọng của những hành vi này là tương tự vì cùng đưa các cá thể động vật hoang dã nguy cấp ra khỏi môi trường sống tự nhiên của chúng, làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của toàn bộ quần thể loài trong tự nhiên.

Trên thực tế, cả bốn hành vi "tàng trữ", "vận chuyển", "chế biến" và "buôn bán" đều là những hành vi gắn liền với nhau trong cùng một chuỗi, tuy nhiên, trong khi động vật hoang dã bị "vận chuyển", "buôn bán" ngay lập tức bị xử lý hình sự thì việc phát hiện động vật hoang dã bị "tàng trữ" hoặc đang trong quá trình "chế biến" lại không thể áp dụng chế tài nghiêm khắc này do không có căn cứ xử lý. Đây là lưu ý cần được xem xét sửa đổi trong Bộ luật Hình sự sửa đổi. ■

Cuối năm 2014, Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường, Bộ Công An và Công an tỉnh Khánh Hòa phát hiện cơ sở sản xuất đồ mỹ nghệ tại xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang lưu giữ trái phép hơn 10 tấn xác rùa biển quý hiếm tại 6 nhà kho. Tuy nhiên, phải 8 tháng sau vụ việc mới bị khởi tố vì lực lượng chức năng phải làm rõ mục đích buôn bán của hành vi "lưu giữ/tàng trữ và chế tác" rùa biển trước khi khởi tố vụ án. Nếu Điều 190 Bộ luật Hình sự có quy định về hành vi "lưu giữ/tàng trữ và chế biến/chế tác" động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm thì việc khởi tố và xử lý vụ án đã có thể kết thúc nhanh hơn.

Có thể nói chế tài hình sự là chế tài xử phạt mang tính răn đe cao nhất hiện nay. Chính vì vậy, việc đảm bảo tính chặt chẽ và hợp lý của các quy định trong Bộ luật Hình sự liên quan đến tội phạm về động vật hoang dã là hết sức cần thiết đối với công tác ngăn chặn loại hình tội phạm này. Hiện Bộ luật Hình sự đang được xem xét thông qua, hy vọng Luật sửa đổi sẽ kế thừa những điểm tích cực trong quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2009, đồng thời khắc phục những bất cập hiện tại. Ngoài ra, trong quá trình hoàn thiện Bộ luật Hình sự sửa đổi, các cơ quan chức năng cũng cần sớm xây dựng các hướng dẫn liên quan đến tội phạm về động vât hoang dã để đảm bảo hiệu quả thực thi Luật.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Kiểm lâm, 2014, *Báo cáo số 683/BC-KL-QLR ngày 17/12/2014 về Công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2014 và Phương hướng nhiệm vụ bảo vệ rừng năm 2015.*
2. Trung tâm Giáo dục thiên nhiên (ENV), *Báo cáo Phân tích kết quả xử lý hình sự tội phạm về động vật hoang dã,* công bố tại Tọa đàm về tăng cường công tác đấu tranh với các tội phạm về động vật hoang dã do ENV tổ chức ngày 28/03/2014.

1. Theo Báo cáo số 683/BC-KL-QLR ngày 17/12/2014 của Cục Kiểm lâm về Công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2014 và Phương hướng nhiệm vụ bảo vệ rừng năm 2015, từ năm 2009 đến năm 2013 có **5.133** vụ vi phạm về ĐVHD. Tuy nhiên, trong giai đoạn này chỉ có 327 vụ việc được đưa ra xét xử, theo thống kê của Vụ Thống kê Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thống kê của Vụ Thống kê Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao cho thấy trong số **490** bị cáo được đưa ra xét xử, **159** bị cáo phải chịu mức án tù 3 năm trở xuống, **19** bị cáo chịu mức phạt tù từ 3-7 năm và **342** bị cáo được hưởng án treo và các hình phạt khác.

3. Thông tin tại Hội nghị của Ủy ban về phòng, chống tội phạm và tư pháp Liên Hợp quốc diễn ra ở Áo cuối tháng 4/2013

Gấu ở trung tâm cứu hộ Gấu Tam Đảo
Ảnh: Tô Bích Ngọc/PanNature

Cần quy định xử lý đặc thù với tang vật là động vật hoang dã

Nguyễn Văn Thái, Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Động vật hoang dã

Việt Nam đã có nhiều thay đổi trong chính sách bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là với công tác xử lý tội phạm liên quan đến hoạt động buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, được ưu tiên bảo vệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập cần tháo gỡ, đặc biệt là vướng mắc trong công tác xử lý tang vật là động vật hoang dã.

Câu chuyện về 70 cá thể tê tê đang "sống mòn" tại Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn động vật hoang dã là một minh chứng. Tháng 8/2015, Chương trình Nghiên cứu và Bảo tồn Thú ăn thịt nhỏ và tê tê (chương trình hợp tác giữa Vườn Quốc gia Cúc Phương và Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn động vật hoang dã) cứu hộ hơn 60 cá thể tê tê từ các vụ buôn bán bất hợp pháp tại Ninh Bình và Thanh Hóa. Sau hơn một tháng chăm sóc, hơn 60 cá thể đều khỏe mạnh, không bị lây nhiễm bệnh. Cộng với số cá thể tê tê được chăm sóc tại Trung tâm từ trước thì có khoảng 70 cá thể tê tê đạt tiêu chuẩn thả về tự nhiên. Tuy nhiên, Cơ quan Công an và Kiểm lâm hai tỉnh không đồng ý cho tái thả với lý do vụ việc chưa được xử lý và chưa có quyết định xử lý tịch thu đối với tang vật vụ án (thực hiện theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003).

Cụ thể, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 quy định: *"Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra quyết định, nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra, do Viện kiểm sát quyết định, nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Tòa án hoặc Hội đồng xét xử quyết định ở giai đoạn xét xử"*. Điều này đồng nghĩa với việc động vật hoang dã sau khi tịch thu là vật chứng của vụ án và chỉ có quyết định tịch thu và xử lý sau khi vụ án kết thúc.

Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều vụ án có thể kéo dài trong nhiều tháng và hệ quả của việc lưu giữ động vật quá lâu có thể khiến chúng bị chết tại cơ quan bảo quản tang vật hoặc các cơ sở cứu hộ. Điều này rất dễ xảy ra bởi nhiều loài động vật hoang dã rất khó nuôi trong môi trường nhân tạo, chúng vốn ăn thức ăn tự nhiên, không quen với việc nuôi nhốt và một số loài sống đơn lẻ,. Thậm chí, khi được đưa về các cơ sở cứu hộ thì bản thân các cơ sở này cũng không đủ điều kiện để chăm sóc trong thời gian vài tháng hoặc cả năm. Đơn cử như đối với 70 cá thể tê tê nêu trên, chỉ riêng tiền thức ăn hàng tháng đã lên đến gần 99 triệu đồng/tháng. Trong khi đó, nguồn ngân sách của Trung tâm phục vụ mục đích cứu hộ khá hạn hẹp, phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn kinh phí phi lợi nhuận từ những tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Thêm vào đó, hiện Trung tâm chỉ có 28 chuồng trại nuôi tê tê nên nhiều chuồng phải nhốt chung từ 4 đến 5 cá thể (so với tiêu chuẩn là 1 cá thể tê tê/chuồng). Việc nuôi nhốt nhiều tê tê cùng một nơi có thể khiến khả năng sống sót của loài này giảm đi, trong khi lẽ ra cần sớm tái thả chúng khi đủ điều kiện – đây là cách vừa cứu sống loài, vừa giảm chi phí chăm sóc tại các trung tâm cứu hộ.

Hiện nay rất nhiều nước trên thế giới như Singapore, Đài Loan, Zimbabwe, Thái Lan, Indonesia và Malasia… đều áp dụng phương thức tái thả ngay sau khi tịch thu từ các vụ buôn bán trái phép và chỉ giữ lại chăm sóc những cá thể yếu hoặc bị thương. Thậm chí, riêng đối với tê tê - loài cực kỳ nguy cấp trong Sách đỏ IUCN – mọi hoạt động săn bắt, buôn bán trái phép đều bị xử lý hình sự nhưng tê tê vẫn được thả trước khi xét xử.

Trên thực tế, chưa có bất kỳ nơi nào sinh sản thành công tê tê để buôn bán thương mại, vì vậy, toàn bộ tê tê tịch thu được đều có nguồn gốc trái phép. Để thu thập vật chứng vụ án, thiết nghĩ chỉ cần lập hồ sơ với đầy đủ tên loài, số cá thể, trọng lượng và lưu giữ lại hình ảnh, sau đó cần thả gấp những cá thể động vật hoang dã về tự nhiên nếu điều kiện sức khỏe của chúng cho phép. Đây không chỉ là vấn đề riêng với loài tê tê mà là vấn đề chung của rất nhiều loài động vật hoang dã sau khi bị thu giữ từ các vụ buôn bán, săn bắt trái phép.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, khả năng cứu hộ các loài động vật cũng không đảm bảo được cuộc sống của chúng trong một thời gian dài hoặc khả năng sinh tồn khi được thả về tự nhiên không cao thì phương án khả thi nhất là tiêu hủy


Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

HIỆU QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ĐVHD TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2011 ĐẾN QUÝ III/2014

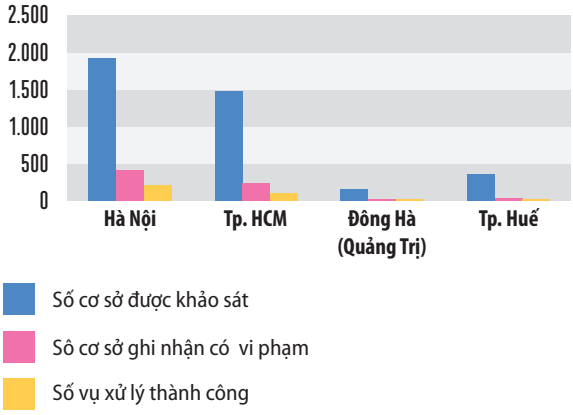

Nguồn số liệu: Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

nhân đạo – theo khuyến cáo của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). Cụ thể, theo Hướng dẫn của IUCN[4] , trong trường hợp không thể chuyển tang vật là động vật hoang dã đến các cơ sở cứu hộ hoặc thả lại tự nhiên, giải pháp tiêu huỷ nhân đạo (tạo cái chết không gây đau đớn) sẽ giúp loại trừ rủi ro về gen, sinh thái và các rủi ro khác xảy ra đối với các quần thể hoang dã và hệ thống sinh thái; loại bỏ nguy cơ lây nhiễm bệnh nghiêm trọng cho quần thể động vật hoang dã hoặc bị nhốt; và đây cũng thường là giải pháp ít tốn kém nhất. Đặc biệt, điều này cũng giúp chấm dứt hoàn toàn việc động vật hoang dã tiếp tục bị lưu thông ra ngoài thị trường, nâng cao hình ảnh/sức mạnh của hệ thống luật pháp so với giải pháp bán hoá giá.

Những phân tích trên cho thấy sự cần thiết bổ sung vào Khoản 1 Điều 79 về bảo quản vật chứng của Dự thảo Bộ luật Tố tụng Hình sự sửa đổi về bảo quản vật chứng như sau: *"Vật chứng là động vật hoang dã còn sống thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm, sau khi bị bắt giữ cần được lập hồ sơ xác định tên loài, số lượng, lưu lại hình ảnh rồi tiến hành thả lại tự nhiên hoặc giao cho các cơ sở cứu hộ chăm sóc trước khi đảm bảo điều kiện thả tự nhiên hoặc thực hiện tiêu hủy nhân đạo nếu không áp dụng được hai biện pháp nêu trên".* ■

4. Hướng dẫn của IUCN về việc xử lý động vật bị tịch thu. Bản tiếng Anh: http://bit.ly/btcs00306 . Bản tiếng Việt: http://bit.ly/btcs00307

Một số chính sách mới ban hành trong quý III năm 2015

Chính sách bảo vệ, phát triển rừng gắn với giảm nghèo bền vững

Theo quy định mới tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích bảo vệ rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khó khăn vùng dân tộc và miền núi và cộng đồng dân cư thôn có tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sẽ được Nhà nước hỗ trợ khoán bảo vệ rừng với mức 400.000 đồng/ha/năm (hiện là 200.000 đồng) khi nhận khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng chưa giao, chưa cho thuê do UBND cấp xã đang quản lý.

Ngoài ra, các đối tượng cũng được hỗ trợ trồng rừng bổ sung không quá 1.600.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 600.000 đồng/ha cho 3 năm tiếp theo. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định dựa trên điều kiện của địa phương.

Riêng với trồng rừng sản xuất lấy gỗ và lâm sản ngoài gỗ, Nhà nước hỗ trợ từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và một phần nhân công. Bên cạnh đó, các hộ còn được Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Ngân hàng NN&PTNT cho vay không có tài sản bảo đảm phần giá trị đầu tư còn lại tối đa 15.000.000 đồng/ha, lãi suất là 1,2%/năm đối với trồng rừng sản xuất và chăn nuôi.

Song song với những chính sách ưu đãi nêu trên, Nghị định cũng quy định trợ cấp gạo hoặc tiền mặt tương ứng đối với hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ với định mức 15kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp chưa tự túc được lương thực và thời gian hỗ trợ không quá 7 năm. ■

Chi tiết Nghị định xem tại *http://bit.ly/btcs00308*

Giảm phát thải khí nhà kính từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) được coi là sáng kiến quan trọng góp phần quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu và thảo luận đã chỉ ra rằng ngoài các lợi ích mang lại, REDD+ cũng có thể đưa đến những rủi ro do những thay đổi trong quy hoạch sử dụng đất, quyền tiếp cận tài nguyên, từ đó tác động lớn đến sinh kế của cộng đồng địa phương, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào rừng. Nhằm tìm hiểu sâu hơn khía cạnh tác động này, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Tổ chức Tropenbos Việt Nam nghiên cứu xây dựng, phát triển Bộ chỉ số đánh giá môi trường – xã hội cho REDD+ cấp tỉnh (gọi tắt là RESI) nhằm đo lường hiện trạng/điều kiện môi trường, xã hội, giúp phản ánh những lợi thế và rủi ro tiềm ẩn cho các quyết định phát triển và thực hiện REDD+ tại địa phương. Được thử nghiệm tại Lâm Đồng và đánh giá thí điểm tại Điện Biên, Kon Tum, Sơn La và Kiên Giang trong năm 2014, kết quả đánh giá RESI chỉ ra rằng, dù chưa thực sự triển khai (Sơn La, Kiên Giang) hay đã có kinh nghiệm thực hiện REDD+ (Điện Biên, Kon Tum), các tỉnh này đều đang ở mức sẵn sàng thấp hoặc chưa sẵn sàng triển khai thực hiện REDD+ khi vẫn còn rất nhiều hạn chế để có thể thực hiện REDD+ một cách hiệu quả. Những vấn đề như: vai trò của kinh tế lâm nghiệp, hệ thống giám sát – đánh giá theo dõi diễn biến rừng, chia sẻ thông tin, minh bạch – trách nhiệm giải trình, những vấn đề về quyền sở hữu, giải quyết tranh chấp và sự tham gia đầy đủ, có ý nghĩa của các bên liên quan…là những hạn chế lớn nhất hiện nay tại các địa phương này. Kết quả đánh giá ban đầu theo RESI ở các địa phương được công bố tại đây: *http://bit.ly/nature0020*

Ngày 9/9/2015, PanNature đã tổ chức Hội thảo chia sẻ kết quả đánh giá thử nghiệm bộ chỉ số RESI cấp tỉnh tại Sơn La, Điện Biên, Kon Tum và Kiên Giang. Quý vị quan tâm có thể tham khảo thêm các tài liệu Hội thảo tại *http://bit.ly/nature0019*

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Kế hoạch hành động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2015 - 2020

Nội dung Kế hoạch được Bộ NN&PTNT phê duyệt tại Quyết định số 2810/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/7/2015 theo đề nghị của Tổng cục Lâm nghiệp nhằm hướng đến một số mục tiêu cụ thể như: ban hành bộ nguyên tắc quản lý rừng bền vững của Việt Nam đảm bảo có hiệu lực trên phạm vi quốc tế; thiết lập tổ chức về giám sát, đánh giá và cấp chứng chỉ rừng quốc gia, đáp ứng các yêu cầu trong nước và quốc tế; đến năm 2020, có ít nhất 500.000 ha rừng sản xuất có phương án quản lý rừng bền vững được cấp chứng chỉ, trong đó rừng trồng là 350.000 ha và rừng tự nhiên 150.000 ha.

Song song với việc nâng cao nhận thức và năng lực về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo, thông tin truyền thông…, Kế hoạch sẽ tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan như: Nghị định về phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến và thương mại lâm sản; Quy chế quản lý, sử dụng rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo mục tiêu quản lý rừng bền vững; Thông tư thay thế về hướng dẫn thiết kế khai thác rừng và Thông tư về hướng dẫn về khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ phù hợp với mục tiêu quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

Ngoài ra, Kế hoạch cũng chú ý xây dựng, đánh giá, phát triển các mô hình thí điểm về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. ■

Chi tiết Quyết định xem tại: *http://bit.ly/btcs00309*

Từ ngày 15/9/2015, mọi hoạt động buôn bán mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sẽ được tiến hành bình thường sau gần 6 tháng tạm ngưng. Đây là nội dung Thông báo số 2015/055 của Ban thư ký Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) gửi Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam. Ngày 18/9/2015, Cơ quan CITES Việt Nam đã gửi Công văn số 247/CTVN-THGP thông báo tới các tổ chức, cá nhân liên quan về nội dung nêu trên để các bên chủ động sắp xếp hoạt động kinh doanh phù hợp

Chi tiết Công văn xem tại: http://bit.ly/btcs00400

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Ảnh: Nguyễn Thúy Hằng/PanNature

Ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực **sông Hồng và sông Vu Gia - Thu Bồn**

Cả hai quy trình cùng được ban hành trong tháng 9/2015, cùng có hiệu lực kể từ ngày ký và cùng thay thế quy trình vận hành liên hồ chứa trong mùa lũ trước đó.

Cụ thể: Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng (ban hành kèm theo Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 17/9) bao gồm các hồ: Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang, Lai Châu, Bản Chát và Huội Quảng. Hàng năm, các hồ này phải vận hành theo thứ tự ưu tiên: mùa cạn (từ ngày 16/9 đến 14/6 năm sau) phải đảm bảo an toàn công trình, sau đó đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du, đảm bảo tối ưu hiệu quả phát điện. Mùa lũ (từ ngày 15/6 đến 15/9) phải đảm bảo an toàn công trình, đảm bảo an toàn chống lũ cho hạ du, đảm bảo hiệu quả phát điện.

Để tránh thiệt hại đến công trình đầu mối, công trình đê điều, phương tiện giao thông thủy, sạt lở bờ sông và ảnh hưởng sản xuất của nhân dân ở hạ du, việc vận hành xả lũ ở các hồ phải tuân thủ quy định: Hồ Hòa Bình đóng, mở lần lượt 6 cửa xả đáy đầu tiên, mỗi cửa cách nhau 6 giờ, các cửa tiếp theo có thể đóng, mở nhanh hơn. Hồ Tuyên Quang đóng, mở lần lượt 4 cửa xả đáy đầu tiên, mỗi cửa cách nhau 6 giờ, các cửa tiếp theo có thể đóng, mở nhanh hơn. Đối với thời kỳ xả hiệu chỉnh vào cuối mùa lũ, cho phép thời gian đóng, mở cửa xả đáy cuối cùng nhanh hơn, tùy theo lưu lượng nước đến hồ. Khi xả lũ đảm bảo an toàn công trình, được phép đóng, mở cấp tốc các cửa xả, thời gian đóng mở các cửa xả thực hiện theo quy định thao tác của thiết bị.

Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn (ban hành kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 7/9/2015) thì bao gồm các hồ: A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A và Sông Bung 5. Hàng năm, các hồ này cũng phải vận hành theo nguyên tắc ưu tiên: Mùa cạn (từ ngày 16/12 đến 31/8) phải đảm bảo an toàn công trình, sau đó đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du, đảm bảo hiệu quả phát điện. Mùa lũ (từ ngày 1/9 đến 15/12) đảm bảo an toàn công trình, góp phần giảm lũ cho hạ du, đảm bảo hiệu quả phát điện.

Khác với Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng, Quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn có riêng một điều quy định việc tích nước cuối mùa lũ. Điều này có nghĩa là sau khi các hồ tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du, chủ hồ sẽ được chủ động tích nước trong thời kỳ cuối mùa lũ nhằm nâng cao khả năng tích đầy hồ để cấp nước cho mùa cạn. ■

Chi tiết hai Quyết định xem tại:

http://bit.ly/btcs00401

http://bit.ly/btcs00402

Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 -2020

Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23/7/2015 nhằm hướng đến một số mục tiêu cụ thể như: đến năm 2020, đáp ứng trên 90% yêu cầu số liệu của Thống kê ASEAN; phấn đấu trở thành quốc gia trong nhóm năm nước đứng đầu ASEAN về công tác thống kê; hầu hết các hoạt động thống kê ASEAN được truyền thông; toàn bộ số liệu thống kê ASEAN được phổ biến trong nước.

Việt Nam sẽ áp dụng phương pháp luận quốc tế trong thu thập, đồng thời tính toán số liệu thuộc các lĩnh vực thống kê, trong đó ưu tiên tập trung vào: thống kê thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại quốc tế về dịch vụ, đầu tư trực tiếp nước ngoài; các chỉ tiêu phát triển bền vững và các chỉ tiêu giám sát tiến độ hội nhập của Cộng đồng ASEAN.

Liên quan tới các hoạt động về ASEAN, ngày 26/8/2015, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Nghị quyết số 61/NQ-CP với nội dung đồng ý với dự thảo Nghị định thư về khung pháp lý Cơ chế một cửa ASEAN, đồng thời ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ Việt Nam ký Nghị định thư. ■

Chi tiết Đề án xem tại *http://bit.ly/btcs00403*

Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

Danh mục một số văn bản chính sách mới, Quý III năm 2015

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
I. QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN RỪNG	
75/2015/NĐ-CP	Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 *Ngày ban hành: 09/09/2015. Ngày hiệu lực: 02/11/2015*
11/2015/TT-NHNN	Thông tư 11/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn xử lý các khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ *Ngày ban hành: 20/08/2015. Ngày hiệu lực: 05/10/2015*
1161/TCLN-KL	Công văn số 1164/TCLN – KL của Tổng cục Lâm nghiệp về việc Tăng cường quản lý hoạt động đối với kiểm lâm *Ngày ban hành: 04/08/2014. Ngày hiệu lực: 04/08/2014*
26/2015/TT-BNNPTNT	Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *Ngày ban hành: 29/07/2015. Ngày hiệu lực: 15/09/2015*
2810/QĐ-BNN-TCLN	Quyết định 2810/QĐ-BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch hành động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2015 - 2020 *Ngày ban hành: 16/7/2015. Ngày hiệu lực: 16/7/2015*
5211/VPCP-KTN	Công văn số 5211/VPCP-KTN của Văn phòng Chính phủ : V/v trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác *Ngày ban hành: 07/07/2015. Ngày hiệu lực: 07/07/2015*
II. QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	
1671/QĐ-TTg	Quyết định số 1671/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 *Ngày ban hành: 28/09/2015. Ngày hiệu lực: 28/09/2015*
247/CTVN-THGP	Công văn số 247/CTVN-THGP của Cơ quan Quản lý Cites Việt Nam về việc Thu hồi thông báo tạm dừng hoạt động buôn bán các loài CITES với CHDCND Lào *Ngày ban hành: 18/09/2015. Ngày hiệu lực: 18/09/2015*
III. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	
41/2015/TT-BTNMT	Thông tư 41/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất *Ngày ban hành: 09/09/2015. Ngày hiệu lực: 27/10/2015*
24/CT-TTg	Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường *Ngày ban hành: 01/09/2015. Ngày hiệu lực: 01/09/2015*
21/CT-TTg	Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than *Ngày ban hành: 26/08/2015. Ngày hiệu lực: 26/08/2015*
8989/QĐ-BCT	Quyết định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Hóa chất Việt Nam phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 *Ngày ban hành: 25/08/2015. Ngày hiệu lực: 25/08/2015*
1415/TTg-KGVX	Công văn số 1415/TTg-KGVX của Thủ tướng Chính phủ : V/v tiếp tục triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về bảo vệ môi trường *Ngày ban hành: 18/08/2015. Ngày hiệu lực: 18/08/2015*
40/2015/TT-BTNMT	Thông tư số 40/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Về quy trình kỹ thuật quan trắc khí thải *Ngày ban hành: 17/08/2015. Ngày hiệu lực: 05/10/2015*

SỐ HIỆU	TÊN VĂN BẢN
279/TB-VPCP	Thông báo số 279/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại cuộc họp về các giải pháp xử lý, sử dụng tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện *Ngày ban hành: 17/08/2015. Ngày hiệu lực: 17/08/2015*
40/2015/TT-BTNMT	Thông tư số 40/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình kỹ thuật quan trắc khí thải *Ngày ban hành: 17/08/2015. Ngày hiệu lực: 05/10/2015*
112/2015/TTLT-BTC-BKHCN	Thông tư liên tịch số 112/2015/TTLT-BTC-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ-Bộ Tài chính : Hướng dẫn cơ chế phối hợp và xử lý trong việc kiểm tra, phát hiện chất phóng xạ tại các cửa khẩu *Ngày ban hành: 29/07/2015. Ngày hiệu lực: 15/09/2015*
32/2015/TT-BGTVT	Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải : Quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông *Ngày ban hành: 24/07/2015. Ngày hiệu lực: 10/09/2015*
17/CT-TTg	Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc tăng cường bảo đảm an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ *Ngày ban hành: 10/07/2015. Ngày hiệu lực: 10/07/2015*
IV. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHOÁNG SẢN	
1622/QĐ-TTg	Quyết định số 1622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng *Ngày ban hành: 17/09/2015. Ngày hiệu lực: 17/09/2015*
8267/QĐ-BCT	Quyết định về việc bổ sung Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng, đồng, niken, molipđen Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025 *Ngày ban hành: 10/08/2015. Ngày hiệu lực: 10/08/2015*
1537/QĐ-TTg	Quyết định số 1537/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn *Ngày ban hành: 07/09/2015. Ngày hiệu lực: 07/09/2015*
V. NĂNG LƯỢNG, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI	
30/2015/TT-BCT	Thông tư quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ *Ngày ban hành: 16/09/2015. Ngày hiệu lực: 02/11/2015*
29/2015/TT-BCT	Thông tư số 29/2015/TT-BCT của Bộ Công thương : Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối *Ngày ban hành: 31/08/2015. Ngày hiệu lực: 16/10/2015*
6758/BC-BNN-KHCN	Báo cáo Tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác về biến đổi khí hậu từ đầu năm 2014 đến nay và kế hoạch công tác đến cuối năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT *Ngày ban hành: 21/08/2014. Ngày hiệu lực: 21/08/2014*
279/TB-VPCP	Thông báo 279/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại cuộc họp về các giải pháp xử lý, sử dụng tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện *Ngày ban hành: 17/08/2015. Ngày hiệu lực: 17/08/2015*
12/2015/TT-BKHCN	Thông tư số 12/2015/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ : Quy định về phân tích an toàn đối với nhà máy điện hạt nhân *Ngày ban hành: 20/07/2015. Ngày hiệu lực: 05/09/2015*
VI. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHÁC	
1684/QĐ-TTg	Quyết định số 1684/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc phê duyệt chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030 *Ngày ban hành: 30/09/2015. Ngày hiệu lực: 30/09/2015*
1557/QĐ-TTg	Quyết định số 1557/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 *Ngày ban hành: 10/09/2015. Ngày hiệu lực: 10/09/2015*
61/NQ-CP	Nghị quyết số 61/NQ-CP của Chính phủ : Về việc ký Nghị định thư về khung pháp lý Cơ chế một cửa ASEAN *Ngày ban hành: 26/08/2015. Ngày hiệu lực: 26/08/2015*
3367/QĐ-BNN-TT	Quyết định 3367/QĐ-BNN-TT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2014-2020 *Ngày ban hành: 31/07/2014. Ngày hiệu lực: 31/07/2014*
1161/QĐ-TTg	Quyết định số 1161/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 *Ngày ban hành: 23/07/2015. Ngày hiệu lực: 23/07/2015*

Tội phạm môi trường

mối đe dọa cho tương lai

Tháng 10 năm 2008, Cơ quan Điều tra Môi trường (EIA) công bố Báo cáo ***Environmental Crimes – a Threat to Our Future*** *(Tội phạm môi trường – mối đe dọa cho tương lai)*, nêu bật quy mô và tác động của tội phạm môi trường, từ đó kêu gọi giải pháp chính trị mạnh mẽ, khẩn cấp nhằm đối mặt với vấn nạn này. Tuy đã ra đời cách đây vài năm, song trước thực trạng tội phạm môi trường không hề bớt "nóng" như hiện nay, báo cáo vẫn còn nguyên giá trị.

Theo EIA, tội phạm môi trường quốc tế có thể được xác định là 5 loại hình tội phạm phổ biến đã được công nhận bởi các cơ quan như G8, Interpol, EU, Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc và Viện Công lý và Tội ác liên vùng Liên hợp quốc, bao gồm:

- Buôn bán trái phép các loài động thực vật hoang dã, đi ngược lại Công ước Quốc tế năm 1973 về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES);
- Buôn bán bất hợp pháp các chất phá hủy tầng ozone (ODS), đi ngược lại Nghị định thư Montreal 1987 về các chất làm suy giảm tầng ôzôn;
- Vận chuyển hoặc thải bỏ bất hợp pháp các loại chất thải nguy hại, đi ngược lại Công ước Basel 1989 về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng;
- Khai thác cá bất hợp pháp, mất kiểm soát và không báo cáo, chống lại các biện pháp kiểm soát được thiết lập bởi các cơ quan quản lý nghề cá khu vực (RMFOs);
- Khai thác và buôn bán gỗ trái phép: nghĩa là gỗ được khai thác, vận chuyển, mua bán theo cách vi phạm luật pháp quốc gia (Hiện tại chưa có cơ chế kiểm soát quốc tế nào ràng buộc về mặt pháp lý đối với buôn bán gỗ xuyên biên giới, trừ các loài nguy cấp được quy định bởi Công ước CITES).

Báo cáo của EIA nhận định, khác với các loại hình tội phạm khác, quy mô ảnh hưởng của tội phạm môi trường là lên toàn xã hội, ảnh hưởng đến "phát triển, hòa bình, an ninh và quyền con người", đồng thời có mức độ nghiêm trọng không thua kém bất cứ tội ác nào khác. Hơn nữa, các vấn đề toàn cầu, bao gồm những thách thức được tiếp cận trong Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỉ, đều có liên quan và trở nên trầm trọng hơn trước tác động của tội phạm môi trường. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là cộng đồng luật pháp quốc tế vẫn chưa đặt vấn đề này lên mức ưu tiên để có những quyết sách mạnh mẽ và khẩn cấp.

Từ đó, EIA đã đề xuất một số điều mà các bên liên quan, các bộ ngành, tổ chức nghiên cứu và các cơ quan hành pháp có vai trò chủ chốt trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường cần nhận thức và thực hiện khẩn cấp, bao gồm:

- Xác định rằng, không giống các dạng tội phạm khác, **Tội phạm môi trường là vấn đề cấp bách** cần có những hành động ứng phó một cách thực chất, tận tâm, bền bỉ và có tính kết nối trên toàn cầu.
- **Thừa nhận rằng tội phạm môi trường là mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng** ở mọi cấp, và nếu các quan chức tham nhũng không bị xử lý, mọi nỗ lực chống lại tội phạm môi trường đều bị cản trở. Thực tế này phải được nhìn nhận trong các nghị quyết về tội phạm môi trường cũng như trong Công ước về chống tham nhũng.
- **Cải cách hành chính nhằm đấu tranh với nạn tham nhũng,** đặc biệt thông qua công nghệ nhằm giảm yếu tố con người tham gia vào các hoạt động như buôn bán tài nguyên thiên nhiên.
- **Cam kết hỗ trợ cho các quốc gia có tình trạng phạm tội phổ biến và tài nguyên có hạn nhất.** Các tổ chức liên chính phủ như Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc (UNODC), Interpol và Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) cần triển khai các dự án tăng cường năng lực cho các tổ chức hành pháp cấp quốc gia và khu vực, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị điều tra về tội phạm môi trường.
- **Thúc đẩy hiệu quả phối hợp** giữa các cơ chế như Công ước quốc tế buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), bên cạnh việc "liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa các thể chế thuộc Công ước, cơ quan hành pháp quốc gia và cơ quan liên chính phủ…" - điều đã được Hội nghị các bên tham gia Công ước CITES lần thứ 15 thừa nhận là vô cùng cần thiết.
- **Thúc đẩy áp dụng luật hình sự hiện hành của các quốc gia về tội phạm môi trường,** bổ sung quy định về tịch thu tài sản liên quan đến các hành vi phạm tội xâm hại môi trường trong pháp luật về môi trường.
- **Thiết lập mới hoặc tham gia vào các cơ quan hành pháp hiện có về tội phạm môi trường cấp quốc gia, khu vực và quốc tế,** các văn phòng liên lạc xuyên biên giới để chia sẻ kĩ năng, kiến thức, thông tin nhằm thúc đẩy hoạt động điều tra và chiến dịch truy quét các mạng lưới tội phạm.
- Hỗ trợ **sự tham gia của các cán bộ có liên quan trong Nhóm Chuyên gia Thực thi Công ước CITES** nhằm thể hiện sự đầu tư đúng đắn và cam kết chính trị chống lại tội phạm xâm hại động thực vật hoang dã.

Nguồn: Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc – UNODC. ■

Chi tiết xem tại: *http://bit.ly/btcs00406*

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature